

Bài 20
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC
TRONG CÁC THẾ KỈ X – XV

I. TƯ TƯỞNG, TÔN GIÁO:

- Thời độc lập, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo được du nhập vào nước có điều kiện phát triển.

1. Nho giáo:

- Là hệ tư tưởng chính của phong kiến, chi phối nội dung giáo dục.
- XV - XIX: Nho giáo chiếm vị trí độc tôn.
- Trật tự xã hội của Nho giáo được thiết lập trong nhân dân.
- Giáo dục Nho học phát triển để củng cố vị trí Nho giáo.

2. Phật giáo:

- X - XIV: phát triển.
 - + Giữ vị trí quan trọng và được phổ biến trong nhân dân (thời Lý, Trần).
 - + Chùa chiền xây dựng khắp nơi.
- XV: suy thoái, sự phát triển bị hạn chế.

II. GIÁO DỤC, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT, KHOA HỌC – KỸ THUẬT:

1. Giáo dục: từng bước hoàn thiện và phát triển, mục đích đào tạo quan chức và người tài cho đất nước.

a. Thời Lý:

- 1070 lập Văn Miếu (vua Lý Thánh Tông).
- 1075 mở khoa thi quốc gia đầu tiên.
- 1076 xây Quốc Tử Giám trong khu Văn Miếu (thời Không Tử). Đây là Trường Đại học đầu tiên ở Việt Nam.

b. Thời Lê sơ:

- Quy chế thi cử ban hành rõ ràng, cứ 3 năm có 1 kỳ thi Hội chọn tiến sĩ.
- Thời vua Lê Thánh Tông tổ chức 12 khoa thi Hội.
- 1484, nhà nước quyết định dựng bia Tiến sĩ.

c. Ý nghĩa:

- Trình độ dân trí được nâng cao.
- Đào tạo nhiều trí thức tài giỏi, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Tuy nhiên, giáo dục Nho học không tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế.

2. Văn học:

*** Thời Trần:**

- Văn học dân tộc phát triển. Có nhiều bài thơ, bài hịch, bài phú nổi tiếng như: Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo.

- Thể hiện tài năng văn học, niềm tự hào dân tộc và lòng yêu nước sâu sắc.

*** Thế kỷ XV:**

- Văn học chữ Hán, chữ Nôm đều phát triển.

- Xuất hiện hàng loạt tập thơ của vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, có nội dung ca ngợi đất nước.

* Như vậy: từ TK XI → XV, nền văn học dân tộc đã hình thành và phát triển.

3. Nghệ thuật: phát triển.

a. Kiến trúc:

- TK X- XIV: những công trình Phật giáo được xây dựng khắp nơi, tiêu biểu: Chùa Diên Hựu (Một Cột), Chùa Dâu, Tháp Báo Thiên, Tháp Phổ Minh.

- Cuối TK XIV: thành nhà Hồ được xây dựng ở Thanh Hoá, trở thành một điển hình của nghệ thuật xây thành ở nước ta.

b. Điêu khắc:

- Đúc và tạc rất nhiều chuông, tượng.

- Có nhiều tác phẩm mang họa tiết hoa văn độc đáo: rồng mình trơn cuộn trong lá đề, bông cúc nhiều cánh.

c. Sân khấu:

- Tuồng, chèo: ra đời từ sớm và ngày càng phát triển.

- Múa rối nước: một nghệ thuật đặc sắc xuất hiện vào thời Lý.

- Âm nhạc: nhạc cụ (trống cơm, đàn tranh, sáo), các làn điệu dân ca, trò chơi dân gian (đấu vật, đua thuyền, đá cầu...).

4. Khoa học – kỹ thuật: đạt nhiều thành tựu.

Ngành	Thành tựu
Sử	Đại Việt sử ký (Lê Văn Hưu)- Thời Trần
Địa	Dư địa chí
Chính trị	Bộ Thiên Nam dư hạ (Lê Thánh Tông)
Toán	Đại thành toán pháp (Lương Thế Vinh)
Quân sự...	Súng thần cơ (Hò Nguyên Trùng)

* Như vậy: Từ X - XV, nhân dân Việt Nam đã xây dựng một nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, đặt nền móng vững chắc lâu dài cho dân tộc.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Thời kì nào Nho giáo, Phật Giáo, Đạo giáo được du nhập vào nước ta? A. Thời Văn Lang – Âu Lạc B. Thời Bắc thuộc. C. Thời Lý D. Thời Trần	<u>Câu 11 :</u> Chùa Diên Hựu được xây dựng: A. Thời Lý. B. Thời Trần C. Thời Lê D. Thời Nguyễn. <u>Câu 12:</u> Tình hình văn học nước ta thế kỉ XI
--	--

<u>Câu 2:</u> Nho giáo chiếm vị trí độc tôn ở nước ta vào thời kì nào? A. Thời Tiền Lê B. Thời Lý C. Thời Trần D. Thời Lê. <u>Câu 3:</u> Các triều đại phong kiến đều đề cao tôn giáo nhằm mục đích: A. Hạn chế các cuộc đấu tranh nhân dân B. Duy trì tôn ti trật tự, đẳng cấp trong xã hội để dễ bề cai trị. C. Đề cao tôn giáo nhằm tập hợp cộng đồng dân cư trong làng xã. D. Đề cao các tôn giáo ảnh hưởng từ Phương Bắc để cầu hoà với họ. <u>Câu 4:</u> Phật giáo phát triển mạnh mẽ nhất ở nước ta vào thời kì nào? A. Thời Đinh – Tiền Lê B. Thời Lý – Trần. C. Thời Hồ D. Thời Lê Sơ. <u>Câu 5:</u> Vị vua nào thời Trần khi lên làm Thái thượng hoàng đã xuất gia đầu Phật và lập ra dòng Thiên Trúc Lâm Đại Việt. A. Trần Thái Tông. B. Trần Thánh Tông. C. Trần Nhân Tông. D. Trần Anh Tông. <u>Câu 6:</u> Vị vua nào cho lập Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long, “đắp tượng Khổng Tử, Chu Công, vẽ 72 vị hiền tài, bốn mùa cúng tế và cho Hoàng thái tử đến học” vào năm 1070? A. Lý Thái Tổ. B. Lý Thái Tông. C. Lý Nhân Tông. D. Lý Thánh Tông. <u>Câu 7:</u> Thời Trần, ai là thầy giáo, nhà Nho được triều đình trọng dụng nhất? A. Trương Hán Siêu. B. Chu Văn An. C. Nguyễn Trãi. D. Phạm Sư Mạnh <u>Câu 8:</u> Biểu hiện nào cho thấy giáo dục, thi cử được quan tâm đặc biệt ở	- XV: A. VH phát triển, thể loại phong phú B. VH chữ Hán phát triển là chủ yếu, với hàng loạt các bài thơ, phú hịch. C. Nội dung VH còn mang nặng tư tưởng tôn giáo, nhất là tư tưởng đạo Phật. D. VH thể hiện niềm tự hào dân tộc và lòng yêu nước sâu sắc. <u>Câu 13:</u> Thời Trần có một danh sĩ được gọi là “Lưỡng quốc Trạng nguyên” là ai? A. Lê Quý Đôn B. Chu Văn An. C. Phạm Sư Mạnh D. Mạc Đĩnh Chi <u>Câu 14:</u> Ai là tác giả của hai câu thơ: “Tướng võ, quan hầu đều biết chữ, Thợ thuyền, thư lại cũng hay thơ”. A. Trần Nguyên Đán B. Trần Nhân Tông C. Trần Quang Khải D. Trần Sư Mạnh. <u>Câu 15:</u> Cuối TK XIV, một khu thành lớn do triều đại nào xây dựng, ở đâu? A. Thành Thăng Long (Hà Nội) B. Kinh thành Huế (Huế) C. Thành Cổ Loa (Hà Nội) D. Thành nhà Hồ (Thanh Hoá) <u>Câu 16:</u> Những công trình nghệ thuật kiến trúc nào ở nước ta thuộc “An Nam tứ đại khí”? A. Đền Quán Thánh. B. Chùa Trần Quốc C. Chuông Qui điện D. Đền Ngọc Sơn. <u>Câu 17:</u> Đạo Phật tuy không còn là quốc giáo từ thời Hậu Lê nhưng vẫn thịnh hành: A. Trong làng xã và các tầng lớp nhân dân B. Trong cung đình C. Có ảnh hưởng lớn đến các tầng lớp vua quan quý tộc D. Trong các tầng lớp nhân dân <u>Câu 18:</u> Bộ sử đầu tiên của nước ta được biên soạn có nhan đề là: A. Đại Việt sử.
--	---

thời Lê sơ? A. Cứ 3 năm lại tổ chức một kì thi Hội. B. Cho dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu, đặt lễ xướng danh. C. Cứ 3 năm lại tổ chức một kì thi Hội, Cho dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu. D. Cứ 3 năm lại tổ chức một kì thi Hội, Cho dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu, đặt lễ xướng danh. <u>Câu 9:</u> Chùa được xây dựng nhiều nhất dưới thời: A. Lý B. Tiền Lê C. Trần D. Lê sơ <u>Câu 10:</u> Múa rối nước là một loại hình nghệ thuật đặc sắc có từ thời: A. Tiền Lê B. Trần C. Lý D. Lê sơ	B. Đại Việt sử kí C. Đại Việt Sử kí toàn thư. D. Đại Việt thông sử. <u>Câu 19:</u> Tình hình khoa học kĩ thuật ở nước ta từ TK XI - XV: A. Phát triển tương đối toàn diện. B. Đã có những bước so với thế giới. C. Chủ yếu phát triển về KHXX, hạn chế sự phát triển khoa học kĩ thuật. D. Phát triển toàn diện. <u>Câu 20:</u> Việc lập bia tiến sĩ có tác dụng: A. Khuyến khích mọi người thi đua học tập. B. Đề cao và tôn vinh những người tài C. Nhắc nhở những người đỗ đạt có trọng trách với dân với nước. D. Câu a, b, c đúng
---	---

Chương III

VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XVI - XVIII

Bài 21

NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN TRONG CÁC THẾ KỈ XVI – XVIII

1. NHÀ LÊ SƠ SỤP ĐỔ. NHÀ MẠC THÀNH LẬP:

a. Nhà Lê sơ sụp đổ:

- * Đầu TK XVI, triều Lê sơ suy sụp, nguyên nhân:
 - Các vua chỉ lo ăn chơi.
 - Quan lại, địa chủ chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân.
 - Các thế lực phong kiến tranh giành quyền lực.
 - Phong trào đấu tranh của nhân dân nổ ra.

b. Nhà Mạc thành lập:

- * 1527, Mạc Đăng Dung bắt vua Lê nhường ngôi và lập ra nhà Mạc (Bắc Triều).
- * Chính sách cai trị:
 - Xây dựng chính quyền theo mô hình nhà Lê.
 - Ổn định tình hình đất nước, giải quyết vấn đề ruộng đất.
 - Đối ngoại: thần phục nhà Minh.
- * Hạn chế:

- Không được lòng các quan lại nhà Lê.
 - Không được sự tin tưởng của nhân dân.
- > Nhà Mạc suy thoái dần và trở thành nguyên cơ gây nên chiến tranh.

2. ĐẤT NƯỚC BỊ CHIA CẮT:

a. Nguyên nhân:

- Vương triều Mạc bị suy thoái.
- Nguyễn Kim nổi dậy “phù Lê diệt Mạc” lập chính quyền ở Thanh Hóa (Nam Triều).
- Sự hình thành thế lực phong kiến họ Nguyễn ở phía Nam (Nguyễn Hoàng).

b. Diễn biến:

- 1545 - 1592: chiến tranh Nam - Bắc triều. Nhà Mạc bị lật đổ.
- 1627 - 1672: chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Hai bên giảng hòa, lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến chia nước ta làm hai miền: Đàng Trong và Đàng Ngoài.

c. Hậu quả:

- Đất nước bị chia cắt
- Chế độ phong kiến bị khủng hoảng
- Đời sống nhân dân khổ cực.

3. NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN ĐÀNG NGOÀI: (không thực hiện)

4. CHÍNH QUYỀN Ở ĐÀNG TRONG: (không thực hiện)

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Vì sao nhà Mạc không được lòng các quan lại nhà Lê? A. Vì nhà Mạc cướp ngôi vua Lê B. Vì Mạc Đăng Dung xuất thân từ nghề chài lưới C. Vì những quan lại nhà Lê chỉ tôn thờ duy nhất vua Lê D. Câu a, b, c đúng <u>Câu 2:</u> Chiến tranh Trịnh – Nguyễn diễn ra trong khoảng thời gian nào? A. Năm 1627 - 1672 B. Năm 1545 - 1592. C. Năm 1545 - 1627. D. Năm 1672 - 1592. <u>Câu 3:</u> Trong những năm đầu thống trị, nhà Mạc xây dựng chính quyền: A. Giữ nguyên bộ máy nhà nước thời Lê B. Theo mô hình của nước Đại Việt thời Lý - Trần C. Theo mô hình cũ của nhà Lê sơ D. Theo mô hình nhà Minh <u>Câu 4:</u> Vị chúa Nguyễn nào khởi đầu xây	<u>Câu 13:</u> Nguyên nhân cơ bản khiến nhà Lê đánh mất vai trò tích cực của mình trong tiến trình xây dựng đất nước? A. Do vua quan ăn chơi sa đọa, nội bộ triều đình tranh giành quyền lực. B. Do Mạc Đăng Dung cướp ngôi, lập ra nhà Mạc. C. Do cuộc khởi nghĩa của nông dân chống đối nhà Lê diễn ra khắp nơi. D. Do nhà Lê thần phục nhà Minh. <u>Câu 14:</u> Hậu quả nghiêm trọng của quá trình tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến Việt Nam diễn ra trong suốt các TK XVI – XVIII đó là gì? A. Đất nước bị chia cắt thành 2 Đàng B. Đặt đất nước đứng trước nguy cơ bị thực dân Phương Tây xâm lược. C. Đất nước khủng hoảng tạo điều kiện cho 29 vạn quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta. D. Nhà Lê sơ suy sụp, họ Trịnh thôn tóm quyền lực chi phối nhà Lê
--	---

dựng chế độ phong kiến Nam triều? A. Nguyễn Kim B. Nguyễn Hoàng C. Nguyễn Phúc Khoát D. Nguyễn Ánh <u>Câu 5:</u> Con sông lịch sử chia cắt đất nước thành Đàng Trong và Đàng Ngoài: A. Sông Bến Hải B. Sông Thạch Hãn C. Sông Gianh D. Sông Lam <u>Câu 6:</u> Năm 1527, trong lúc triều đình nhà Lê ngày càng suy yếu, Mạc Đăng Dung đã làm gì? A. Ép vua Lê nhường ngôi, lập ra nhà Mạc (Bắc triều) B. Cùng vua Lê tập trung lực lượng củng cố lại triều đình. C. Tiến hành đảo chính bằng vũ trang lật đổ nhà Lê, thành lập nhà Mạc. D. Huy động nông dân khởi nghĩa lật đổ nhà Lê, lập ra nhà Mạc. <u>Câu 7:</u> Cuộc khủng hoảng chính trị ở nước ta vào đầu thế kỉ XVI đã: A. Dẫn đến cuộc chiến tranh Nam – Bắc triều bùng nổ. B. Dẫn đến cuộc chiến tranh Nam – Bắc triều bùng nổ. C. Tạo điều kiện cho quân Minh tiến hành xâm lược nước ta. D. Làm triều Lê sơ sụp đổ <u>Câu 8:</u> Vì sao nhà Mạc không còn được sự tin tưởng và ủng hộ của nhân dân? A. Thần phục các nước Phương Nam. B. Cắt đất thần phục nhà Minh. C. Thực hiện chính sách “Bế quan tỏa cảng”. D. Gây chiến tranh với Lào và Chân Lạp. <u>Câu 9:</u> Vì sao Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ ở Thuận Hóa (thuộc Thừa Thiên Huế ngày nay)? A. Tránh xung đột Nam – Bắc triều B. Tập hợp nhân dân khai hoang C. Tránh âm mưu ám hại của họ Trịnh D. Để xây dựng lực lượng chống Bắc triều	<u>Câu 15:</u> Vì sao Nguyễn Kim chọn Thanh Hóa làm nơi phát cờ khởi nghĩa với khẩu hiệu “Phù Lê diệt Mạc”? A. Vì nhà Lê cần sự giúp đỡ của nhân dân B. Vì Thanh Hóa là quê hương của nhà Lê. C. Vì nhà Mạc thần phục nhà Minh D. Vì nhà Mạc xây dựng chính quyền theo mô hình nhà Lê. <u>Câu 16:</u> Tại sao nói: “Nền độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta từ giữa TK XVI đến cuối XVIII bị xâm phạm nghiêm trọng”? A. Vì nhà Mạc cắt đất thần phục nhà Minh của Trung Quốc. B. Vì cuộc chiến tranh Nam – Bắc triều kéo dài. C. Vì cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn kéo dài. D. Vì các tập đoàn phong kiến Việt Nam tranh giành quyền lực diễn ra từ TK XVI – XVIII. <u>Câu 17:</u> Đầu TK XVI, những vua nào của nhà Lê chỉ lo ăn chơi sa đọa? A. Lê Tương Dực B. Lê Uy Mục C. Lê Long Đĩnh D. Câu a, b đúng <u>Câu 18:</u> Tính chất của các cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến Việt Nam diễn ra trong suốt các TK XVI – XVIII: A. Là cuộc nội chiến. B. Là cuộc cách mạng tư sản. C. Là cuộc chiến tranh phi nghĩa giữa các thế lực phong kiến đối lập. D. Là cuộc chiến tranh chính nghĩa bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. <u>Câu 19:</u> Sau chiến tranh Trịnh-Nguyễn, có phải nước ta bị chia cắt thành hai quốc gia không? Vì sao? A. Không, vì sông Gianh chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời. B. Đúng, vì nước ta bị chia cắt thành hai Đàng.
--	--

Câu 10: Vì sao những người ủng hộ nhà Lê trước đây có điều kiện thuận lợi để tập hợp lực lượng chống đối nhà Mạc? A. Nhà Mạc vẫn tiếp tục xây dựng chính quyền theo mô hình cũ của nhà Lê. B. Do nhà Mạc suy yếu, nội bộ chia rẽ. C. Do nhà Mạc không đề ra được chính sách kinh tế hợp lý dẫn đến khủng hoảng. D. Nhà Mạc cắt đất thần phục nhà Minh gây nên sự bất bình trong quan lại và nhân dân. Câu 11: Kết quả cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều: A. Nhà Mạc bị lật đổ B. Họ Trịnh nắm quyền C. Hình thành thế lực cát cứ họ Nguyễn D. Nam triều dời về Thăng Long Câu 12: Nhà Lê ngày càng bộc lộ những hạn chế, mâu thuẫn và mất hết vai trò tích cực vào thời gian nào? A. Thế kỉ XV B. Thế kỉ XVI C. Thế kỉ XVII D. Thế kỉ XVIII	C. Đúng, vì sông Gianh là đường biên giới. D. Câu b, c đúng Câu 20: Sau khi nắm toàn bộ chính quyền Đàng Ngoài, vì sao Trịnh Kiểm không lật đổ vua Lê? A. Vì Trịnh Kiểm không đủ sức mạnh B. Vì Trịnh Kiểm tôn trọng vua Lê C. Vì Trịnh Kiểm sợ bị cô lập giống nhà Mạc. D. Vì Trịnh Kiểm muốn nước ta có vua. Câu 21: Nhà nước do Nguyễn Kim thành lập ở Thanh Hóa còn được gọi là: A. Nam triều B. Bắc triều C. Đàng Trong D. Đàng Ngoài Câu 22: Nhà nước Nam triều đóng đô ở Thanh Hóa, kinh đô Thanh Hóa còn được gọi là? A. Đông Đô B. Tây Đô C. Thăng Long D. Đông kinh
--	---

Bài 22

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ KỈ XVI- XVIII

1. NÔNG NGHIỆP:

a. Tình hình:

- * Đầu TK XVI: sa sút do nhà nước không quan tâm đến sản xuất.
- * Nửa sau TK XVII:
 - Được khôi phục nhất là ở Đàng Trong, các Chúa Nguyễn khuyến khích nhân dân khai hoang.
 - Nhân dân 2 miền ra sức sản xuất, đúc kết kinh nghiệm, phát triển nghề trồng vườn, Nam Bộ trở thành vựa lúa lớn.

b. Hạn chế: gia tăng tình trạng chiếm ruộng đất của địa chủ.

2. THỦ CÔNG NGHIỆP:

a. Sự phát triển:

- Nghề truyền thống: phát triển và đạt trình độ cao: gốm sứ, dệt lụa.
- Nghề mới: khắc in bản gỗ, làm đường trắng, tranh sơn mài.
- Nghề khai mỏ: phát triển cả 2 Đàng.

b. Tác dụng:

- Xuất hiện thêm nhiều làng nghề.
- Tạo điều kiện cho đổi mới kinh doanh: lập phường sản xuất, ra đời các đô thị.

3. THƯƠNG NGHIỆP:**a. Tình hình:**

	Thế kỉ XVI - XVII	Giữa thế kỉ XVIII
Nội thương	Phát triển, xuất hiện các loại hình chợ, làng buôn, trung tâm buôn bán.	Bị hạn chế do chế độ thuế.
Ngoại thương	Mở cửa buôn bán với bên ngoài, thuyền buôn các nước đến nước ta ngày càng nhiều.	Bị suy yếu do chế độ thuế.

b. Tác dụng:

- Tạo điều kiện giao lưu buôn bán giữa các vùng.
- Tạo điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa, đưa đất nước tiếp cận với nền kinh tế thế giới.

4. SỰ HƯNG KHỞI CỦA CÁC ĐÔ THỊ:**a. Hình thành và phát triển: TK XVI - XVIII**

- Kẻ Chợ (Thăng Long): có 36 phố phường và 8 chợ, bán nhiều mặt hàng.
- Phố Hiến (Hưng Yên): phát triển phồn thịnh “Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến”
- Hội An (Quảng Nam): là thành phố cảng lớn nhất ở Đàng Trong.
- Thanh Hà (Phú Xuân): buôn bán sầm uất, được gọi là “Đại Minh khách phố”.

b. Suy tàn: đầu TK XIX, trừ Thăng Long.**c. Tác dụng:**

- Tạo điều kiện kinh tế hàng hóa phát triển.
- Góp phần làm thay đổi bộ mặt xã hội Việt Nam.

d. Nhận xét chung:

- TK XVI - XVIII: kinh tế có những bước phát triển mới.
- Cuối TK XVIII: do hạn chế của chế độ phong kiến nên Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp.

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Đến thời gian nào chính sách ruộng đất công làng xã của thời Lê sơ về cơ bản đã bị phá sản? A. Thế kỷ XVI B. Thế kỷ XVII C. Thế kỷ XVIII D. Thế kỷ IX	Câu 11: Ở Đàng Ngoài khu vực nào chúa Trịnh lập nhiều xưởng lớn chuyên việc đúc súng, sản xuất vũ khí, đúc tiền, đóng thuyền. A. Kinh thành Thăng Long. B. Vạn Kiếp. C. Vân Đồn.
---	--

Câu 2: Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho chính sách ruộng đất công làng xã của thời Lê sơ bị phá sản?

- A. Đất nước bị chia cắt thành 2 Đàng
- B. Sự khai hoang diễn ra nhanh chóng.
- C. Sự phát triển nhanh chóng của ruộng đất tư hữu.
- D. Nhà nước khuyến khích biến ruộng đất công thành ruộng đất tư.

Câu 3: Đến đầu TK XVIII, tình hình nông nghiệp ở Đàng Ngoài như thế nào?

- A. Đang trên đà phát triển mạnh mẽ.
- B. Tương đối ổn định và phát triển.
- C. Bị khủng hoảng và bế tắc.
- D. Có những bước tiến vượt bậc so với các thế kỷ trước.

Câu 4: Chính sách ruộng đất của họ Trịnh ở Đàng Ngoài nhằm phục vụ cho các giai cấp và tầng lớp nào?

- A. Nông dân, binh sĩ, địa chủ.
- B. Nhà nước phong kiến, địa chủ, tầng lớp quan liêu, binh sĩ.
- C. Nhà nước, địa chủ, nông dân.
- D. Địa chủ, nông dân, binh sĩ.

Câu 5: Nguyên nhân sâu xa làm cho đông đảo nông dân Đàng Ngoài phải rời bỏ ruộng đất, xóm làng đi lang thang kiếm sống?

- A. Bị nhiều tầng áp bức, bóc lột.
- B. Bị mất ruộng đất tư và mất hết hi vọng vào ruộng đất công làng xã.
- C. Bị bóc lột bằng tô thuế, lao dịch, binh dịch.
- D. Câu b, c đúng.

Câu 6: Từ những năm 30 TK XVIII, tình hình xã hội ở Đàng Ngoài như thế nào?

- A. Ổn định và phát triển.
- B. Tương đối ổn định và phát triển.
- C. Có dấu hiệu suy thoái.
- D. Suy yếu và khủng hoảng.

Câu 7: Nét mới trong kinh doanh ở Đàng Trong và Đàng Ngoài là:

- A. Nghề thủ công truyền thống phát triển
- B. Thành lập phường hội vừa sản xuất vừa

D. Ngoại thành Thăng Long.

Câu 12: Ở Đàng Trong, bên cạnh những quan xưởng gần giống như Đàng Ngoài, chúa Nguyễn đặc biệt quan tâm đến các xưởng nào?

- A. Đúc tiền.
- B. Đúc súng.
- C. Đóng thuyền.
- D. Đúc súng và đóng thuyền.

Câu 13: Lực lượng lao động trong các xưởng thủ công nghiệp nhà nước là tầng lớp nào?

- A. Thợ thủ công bị phá sản.
- B. Nông dân bị mất ruộng đất.
- C. Thợ thủ công giỏi.
- D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 14: Nghề trồng lúa, làm đường phát triển mạnh ở vùng nào của Đàng Trong?

- A. Quảng Nam.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Bình Định.
- D. Câu a, b đúng.

Câu 15: Đô thị nào trong giai đoạn này được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?

- A. Kẻ Chợ.
- B. Phố Hiến.
- C. Hội An.
- D. Thanh Hà.

Câu 16: Thế kỷ XVI- XVIII, ngoài những thương nhân truyền thống đã có thêm thương nhân quốc gia Phương Tây nào sau đây đến buôn bán ở nước ta?

- A. Bồ Đào Nha.
- B. Ý
- C. Ấn Độ
- D. Mỹ

Câu 17: Địa danh nào sau đây không phải là trung tâm buôn bán nổi tiếng của nước ta trong các TK XVI- XVIII?

- A. Thăng Long.
- B. Phố Hiến.
- C. Hội An.
- D. Bắc Ninh.

bán hàng C. Ngành khai mỏ phát triển D. Xuất hiện nghề mới: khắc in bản gỗ, làm đường trắng <u>Câu 8:</u> Từ giữa TK XVII, ngoại thương nước ta dần dần suy yếu vì: A. Giai cấp thống trị ăn chơi, hưởng thụ B. Một số thương nhân nước ngoài lấy có buôn bán để tìm hiểu tình hình chính trị nên các chúa hạn chế ngoại thương. C. Chính sách thuế khóa với thương nhân ngày càng phức tạp. D. Thương nhân nước ngoài không đến buôn bán <u>Câu 9:</u> Từ thế kỷ XVII, vùng đất nào ở Đàng Trong trở thành vùng đất sản xuất nông nghiệp phát triển? A. Đồng Nai B. Gia Định C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Câu a, b đúng. <u>Câu 10:</u> Chính quyền Lê - Trịnh và chúa Nguyễn đều chú trọng đến các quan xưởng để làm gì? A. Phục vụ nhu cầu của nhân dân. B. Phục vụ nhu cầu của thợ thủ công. C. Phục vụ nhu cầu của quan lại. D. Phục vụ nhu cầu của nhà nước.	<u>Câu 18:</u> Thế kỷ XVI- XVIII, trên đất nước ta xuất hiện một lực lượng khá đông các kiều dân định cư lâu dài để buôn bán? A. Trung Quốc, Nhật Bản, B. Trung Quốc, Ấn Độ, C. Nhật Bản, Ấn Độ. D. Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, <u>Câu 19:</u> Trung tâm kinh tế-chính trị-văn hóa lớn nhất ở nước ta TK XVI -XVII là: A. Hội An, Phố Hiến . B. Kinh kì. C. Thanh Hà, Phố Hiến. D. Thăng Long, Hội An. <u>Câu 20:</u> Đô thị tiêu biểu nhất ở Đàng Trong là: A. Thanh Hà. B. Hội An. C. Phố Hiến D. Gia Định. <u>Câu 21:</u> Điểm mới của nội thương trong giai đoạn này là: A. Buôn bán bằng thuyền B. Chợ họp theo phiên C. Làng buôn hình thành D. Trung tâm buôn bán <u>Câu 22:</u> Sự kiện trên thế giới góp phần giao lưu quốc tế là: A. Cách mạng tư sản nổ ra B. Đóng được tàu vượt đại dương C. Phát kiến địa lí D. Vẽ được hải đồ.
--	--

Bài 23

PHONG TRÀO TÂY SƠN VÀ SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC BẢO VỆ TỔ QUỐC CUỐI THẾ KỶ XVIII

I. PHONG TRÀO TÂY SƠN VÀ SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC CUỐI TK XVIII:

1. Nguyên nhân:

- Giữa TK XVIII: đất nước bị chia thành 2 miền: Đàng Trong và Đàng Ngoài.
- Chế độ Phong kiến khủng hoảng sâu sắc.

- Phong trào nông dân nổ ra liên tục.

2 Diễn biến:

- 1771: khởi nghĩa nông dân nổ ra ở Ấp Tây Sơn (Bình Định) do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.
- 1786 - 1788: phong trào Tây Sơn lần lượt đánh đổ 2 tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh làm chủ toàn bộ đất nước.

3. Ý nghĩa: Phong trào Tây Sơn đã bước đầu thống nhất đất nước.

II. CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CUỐI TK XVIII:

1. Chống Xiêm (1785):

- Nguyễn Ánh cầu cứu, Vua Xiêm đem 5 vạn quân tiến vào nước ta.
- Hay tin, 1785 Nguyễn Huệ đem quân vào Nam chống giặc. Được sự ủng hộ của nhân dân, tổ chức trận Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang) đánh tan quân xâm lược.

2. Chống Thanh (1789)

- 1788 Vua Lê Chiêu Thống cầu cứu, nhà Thanh đem 29 vạn quân sang nước ta.
- Nguyễn Huệ được tin lên ngôi Hoàng đế (Quang Trung), chỉ huy quân tiến ra Bắc.
- 25-1-1789 (30 Tết): Quang Trung ra lời hiệu dụ, quân ta được lệnh tiến công.
- 30-1-1789 (Mùng 5 Tết): chiến thắng vang dội Ngọc Hồi - Đống Đa, đánh tan quân xâm lược.

3. Ý nghĩa: Phong trào Tây Sơn và người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đã làm nên hai sự nghiệp lớn:

- Bước đầu thống nhất đất nước.
- Đánh bại Xiêm - Thanh bảo vệ độc lập dân tộc.

III. VƯƠNG TRIỀU TÂY SƠN:

1. Sự thành lập:

- 1778 Nguyễn Nhạc tự xưng Hoàng đế, thành lập Vương triều.
- 1788 Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, sau cuộc kháng chiến chống Xiêm - Thanh thắng lợi, chính thức xây dựng vương triều mới theo chế độ quân chủ chuyên chế.

2. Đối nội:

- Thống trị từ Thuận Hóa trở ra Bắc.
- Kêu gọi nhân dân khôi phục sản xuất.
- Tổ chức lại giáo dục thi cử.
- Quân đội tổ chức qui củ.

3. Đối ngoại: quan hệ hòa hảo với nhà Thanh.

- * 1802: Sau khi Quang Trung mất, triều Tây Sơn suy yếu rồi sụp đổ.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Năm 1771, anh em nhà Tây Sơn dựng cờ khởi nghĩa ở đâu? Ai là người lãnh đạo phong trào Tây Sơn? A. Ấp Tây Sơn. Lãnh đạo là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh. B. Thanh Hóa. Lãnh đạo là Nguyễn Lữ, Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ C. Ấp Tây Sơn. Lãnh đạo là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ. D. Ấp Tây Sơn. Lãnh đạo là Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh. <u>Câu 2:</u> Sau khi đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, nhiệm vụ mới đặt ra cho phong trào Tây Sơn là: A. Đánh quân xâm lược Xiêm B. Đánh quân xâm lược Thanh C. Đánh đổ chính quyền Lê - Trịnh D. Xây dựng chính quyền mới. <u>Câu 3:</u> Ai là người đã cầu cứu vua Xiêm, dẫn đến việc quân Xiêm sang xâm lược nước ta vào năm 1784 - 1785? A. Trần Ích Tắc. B. Nguyễn Ánh. C. Lê Chiêu Thống. D. Trần Long. <u>Câu 4:</u> Chiến thắng nào của nghĩa quân Tây Sơn đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của quân Xiêm năm 1785? A. Chiến thắng Bạch Đằng lần thứ ba. B. Chiến thắng Chi Lăng. C. Chiến thắng Xương Giang D. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút <u>Câu 5:</u> Đầu tháng 1-1785, Nguyễn Huệ đem quân từ Qui Nhơn vượt biển vào Gia Định để chống lại quân Xiêm, ông cho đóng đại bản doanh ở đâu? A. Trà Tân (phía bắc bờ sông Tiền). B. Trên khúc sông Tiền đoạn từ Rạch Gầm đến Rạch Xoài Mút. C. Mỹ Tho (Tiền Giang). D. Ven sông Trà Luật. <u>Câu 6:</u> Khi Nguyễn Huệ đem quân tấn công ra Bắc, ông đã nêu khẩu hiệu gì? A. “Phù Lê diệt Mạc”.	<u>Câu 12:</u> Phát biểu nào đúng về chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785? A. Đây là trận hợp đồng binh chủng đầu tiên trong lịch sử. B. Đây là một trong những trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử nước ta. C. Đây là trận phục kích của mang tính chất du kích tiêu biểu trong lịch sử. D. Đây là chiến thắng thể hiện rõ nghệ thuật “đánh điểm diệt viện”. <u>Câu 13:</u> Sự kiện được coi là mốc lịch sử mở đầu đánh dấu sự nghiệp thống nhất đất nước của quân Tây Sơn? A. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút. B. Quân Tây Sơn vượt sông Gianh, Lũy Thầy tiến ra Bắc 1788. C. Tây Sơn đánh bại chúa Nguyễn. D. Tây Sơn đánh bại chúa Trịnh. <u>Câu 14:</u> Ý nào không phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến các chính sách của vua Quang Trung chưa được áp dụng nhiều trên thực tế? A. Vua Quang Trung mất sớm. B. Nguyễn Ánh đánh bại triều Tây Sơn. C. Triều Tây Sơn bị chia rẽ. D. Không có sự hậu thuẫn của vua Lê <u>Câu 15:</u> Giữa TK XVIII, trong lúc ở Đàng Ngoài khủng hoảng sâu sắc thì ở Đàng Trong chúa Nguyễn đã làm gì? A. Chúa Nguyễn xưng vương, lập triều đình riêng. B. Chúa Nguyễn mang quân ra đánh chúa Trịnh. C. Chúa Nguyễn cho dân khản hoang. D. Chúa Nguyễn tập trung đánh Xiêm. <u>Câu 16:</u> Chiến thắng nào đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Thanh năm 1789? A. Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang) B. Tốt Động - Chúc Động (Hà Nội) C. Chi Lăng - Xương Giang (Bắc Giang) D. Ngọc Hồi - Đống Đa (Hà Nội) <u>Câu 17:</u> Năm 1785 Nguyễn Huệ mang quân từ Qui Nhơn vào Gia Định, vì sao ông quyết
---	---

B. “Phù Lê diệt Trịnh”. C. “Phù Lê diệt Nguyễn”. D. “Phù Lê, diệt Trịnh, Nguyễn”. <u>Câu 7:</u> Ai là người đã cầu cứu vua Thanh dẫn đến việc quân Thanh sang xâm lược nước ta vào năm 1788 - 1789? A. Lê Long Đĩnh. B. Nguyễn Ánh. C. Lê Chiêu Thống. D. Trần Kiện. <u>Câu 8:</u> Phòng tuyến do quân Tây Sơn thiết lập để ngăn cản quân Thanh sau khi rút lui là: A. Dãy núi Tam Điệp – Đảo Biện Sơn (Thanh Hóa). B. Hà Hồi - Ngọc Hồi (Hà Nội). C. Bờ Nam sông Gianh (Quảng Bình) D. Bờ Nam sông Như Nguyệt (Bắc Ninh) <u>Câu 9:</u> Lực lượng nào đặt cơ sở bước đầu cho việc thống nhất đất nước vào cuối thế kỉ XVIII? A. Nghĩa quân Tây Sơn. B. Lực lượng chúa Trịnh. C. Lực lượng chúa Nguyễn. D. Lực lượng vua Lê. <u>Câu 10:</u> Nguyễn Huệ khi lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là gì? A. Quang Trung. B. Nguyễn Vương. C. Gia Long. D. Bắc Bình Vương. <u>Câu 11:</u> Vì sao cuối năm 1788, vua Càn Long cho 29 vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta? A. Vì nội bộ nước ta bị chia rẽ do chúa Trịnh lấn át quyền lực của vua Lê. B. Vì Nguyễn Ánh cầu cứu vua Thanh. C. Vì vua Xiêm muốn quân Thanh và quân Xiêm cùng lúc tấn công nước ta. D. Vì vua Càn Long muốn mở rộng lãnh thổ về phía Nam.	định chọn đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm nơi tiêu diệt địch? A. Vì nơi đây có nhiều cù lao B. Có nhiều nhánh sông nhỏ C. Câu a, b đúng D. Sẽ tạo nên trận thủy chiến lòng lầy. <u>Câu 18:</u> Cách đánh của Nguyễn Huệ trong kháng chiến chống Xiêm? A. Vừa đánh vừa rút B. Dùng kế đóng cọc dưới sông C. Đánh vào đêm 30 Tết D. Tiên phát chế nhân. <u>Câu 19:</u> Nguyễn Huệ diệt 5 vạn quân Xiêm trong thời gian bao lâu? A. Không đầy 1 ngày B. Không đầy 5 ngày C. 7 ngày D. 2 ngày <u>Câu 20:</u> Ai là người được thế giới công nhận là vị tướng tài giỏi về quân sự? A. Nguyễn Huệ B. Lý Thường Kiệt C. Lê Lợi D. Hai Bà Trưng <u>Câu 21:</u> Vì sao năm 1788 Nguyễn Huệ quyết định lên ngôi hoàng đế? A. Để lãnh đạo nhân dân chống giặc B. Vì Lê Chiêu Thống bán nước C. Vì nước ta không có vua lãnh đạo D. Để khẳng định quyền lực của mình <u>Câu 22:</u> Cuộc hành quân tiến quân ra Bắc năm 1788 của Quang Trung được nhận xét như thế nào? A. Thần tốc B. Thần tốc, bất ngờ, táo bạo. C. Thần kì , dũng mãnh D. Táo bạo, lực lượng hùng hậu.
---	---

Bài 24
TÌNH HÌNH VĂN HÓA THẾ KỈ XVI – XVIII

1. TƯ TƯỞNG – TÔN GIÁO:

- Nho giáo: suy thoái, trật tự phong kiến không được tôn trọng như trước.
- Phật giáo, Đạo giáo: được khôi phục, chùa quán được xây dựng thêm.
- Đạo Thiên Chúa: được du nhập, nhà thờ được xây dựng nhiều nơi.
- Chữ Quốc ngữ ra đời phục vụ hoạt động truyền đạo.
- Tín ngưỡng truyền thống được phát huy và tôn trọng: thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc ...

* Tiếp nhận các tư tưởng và tôn giáo bên ngoài vào nhưng người dân Việt Nam đã tạo nên nếp sống văn hoá riêng.

2. GIÁO DỤC - VĂN HỌC:

a. Giáo dục:

Triều đại	Nội dung
Nhà Mạc	Tuyển chọn nhân tài qua các kỳ thi Hương, thi hội.
Đàng Ngoài	Giáo dục Nho học như thời Lê Sơ.
Đàng Trong	1646 chúa Nguyễn mở khoa thi đầu tiên, nội dung Nho học sơ lược
Tây Sơn	Chấn chỉnh lại giáo dục. Chữ Nôm được phổ biến rộng rãi trong học tập và thi cử.

* Nhận xét: Nội dung giáo dục chủ yếu vẫn là kinh, sử. Các bộ môn khoa học tự nhiên không được đưa vào khoa cử.

b. Văn học:

- VH chữ Hán: mất dần vị thế, tuy vậy cũng xuất hiện 1 số nhà nghiên cứu, biên soạn thơ văn.
- VH chữ Nôm: được dùng để sáng tác văn học, xuất hiện những nhà thơ Nôm nổi tiếng: Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Duy Từ... tác phẩm bất tử: Chinh phụ ngâm...
- VH dân gian: phát triển rầm rộ, nhiều thể loại: ca dao, tục ngữ, truyện cười... Làm cho kho tàng văn học thêm đa dạng, phong phú.

3. NGHỆ THUẬT VÀ KHOA HỌC – KỸ THUẬT

Ngành	Thành tựu
Kiến trúc, điêu khắc	- Chùa Thiên Mụ (Huế), Chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) - Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay (Bắc Ninh) - Các tượng La Hán (Hà Tây). - Xuất hiện một số tượng nhân vật (vua, chúa), tranh vẽ chân dung.
Nghệ thuật dân gian	Hình ảnh: đi cày, đi bừa, đấu vật...được khắc trên vò, kèo ở những ngôi đình làng.

Nghệ thuật sân khấu	Hàng loạt làn điệu dân ca: quan họ, hát giặm, hò, vè, lí, si, lượn...
Lịch Sử	Bộ sử thi bằng chữ Nôm: Thiên Nam ngữ lục.
Địa lý	Tập bản đồ Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư.
Y học	Bộ sách y dược của Hải Thượng Lãn Ông (Lê Hữu Trác).
Kỹ thuật quân sự...	- Tập Hồ trướng khu cơ (Đào Duy Từ) - Đúc súng đại bác theo kiểu phương Tây, đóng thuyền chiến...

*

Nhận xét: TK XVII – XVIII, nước ta đã tiếp cận với khoa học - kỹ thuật tiên tiến của Phương Tây nhưng không có điều kiện phát triển.

----- Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Từ TK XVI – XVIII, tôn giáo nào mới được truyền bá vào Việt Nam? A. Nho giáo. B. Đạo giáo. C. Phật giáo. D. Thiên Chúa giáo. <u>Câu 2:</u> Ai đã truyền bá đạo Thiên chúa vào nước ta? A. Giáo sĩ Ấn Độ. B. Giáo sĩ Phương Tây. C. Thương nhân Trung Quốc. D. Giáo sĩ Nhật Bản. <u>Câu 3:</u> Chữ Quốc ngữ ra đời là do nhu cầu: A. Truyền bá đạo Thiên chúa. B. Truyền bá đạo Phật. C. Truyền bá đạo Hồi. D. Truyền bá đạo Tin Lành. <u>Câu 4:</u> Nội dung giáo dục ở nước ta trong TK XVI – XVIII chủ yếu là: A. Các môn khoa học tự nhiên. B. Kinh, sử. C. Giáo lí Phật giáo. D. Văn học Trung Quốc. <u>Câu 5:</u> Người có chủ trương đưa chữ Nôm lên thành chữ viết chính thống là: A. Chúa Nguyễn. B. Nhà Mạc. C. Nhà nước Lê - Trịnh. D. Quang Trung.	<u>Câu 11:</u> Bộ sử thi nổi tiếng bằng chữ Nôm có đến khoảng 8000 câu thơ lục bát A. Thiên Nam ngữ lục B. Ô châu cận lục C. Phủ biên tạp lục D. Đại Việt sử kí tiền biên. <u>Câu 12:</u> Những nhà thơ Nôm nổi tiếng từ TK XVI - XVIII là: A. Trương Hán Siêu, Đào Duy Từ. B. Đào Duy Từ, Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Bỉnh Khiêm. C. Trần Nhân Tông, Đào Duy Từ. D. Đào Duy Từ, Trần Quang Khải. <u>Câu 13:</u> Tác phẩm điêu khắc bằng gỗ tiêu biểu nhất ở nước ta TK XVI -XVIII: A. Tượng Phật chùa Tây Phương B. Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay (Bắc Ninh) C. Tượng Phật ở chùa Quỳnh Lâm D. Chùa Một Cột (Hà Nội) <u>Câu 14:</u> Hình thức nghệ thuật mới xuất hiện trong giai đoạn này là: A. Tượng Phật B. Vẽ chân dung C. Nghệ thuật sân khấu D. Hình thành các làng điệu dân ca. <u>Câu 15:</u> Bài học rút ra để Việt Nam bắt kịp sự phát triển với các nước hiện nay? A. Tích cực phát triển Nho giáo.
---	---

<u>Câu 6:</u> Tác phẩm “Hồ trưởng khu cơ” và công trình “Lũy Thầy” gắn liền với nhân vật lịch sử nào ? A. Nguyễn Bình Khiêm. B. Nguyễn Công Trứ. C. Mạc Thiên Tứ. D. Đào Duy Từ. <u>Câu 7:</u> Ai được mệnh danh là Trạng Trình? A. Nguyễn Bình Khiêm. B. Phùng Khắc Khoan. C. Đào Duy Từ. D. Lê Quý Đôn. <u>Câu 8:</u> Ý nào phản ánh đúng về những tượng các vị La Hán ở chùa Tây Phương? A. Những bức tượng này hiện đang ở Hà Tây. B. Có tổng cộng 21 bức tượng. C. Các bức tượng thể hiện sự vui vẻ, mãn nguyện trước thực tại cuộc sống. D. Các bức tượng đều giống nhau. <u>Câu 9:</u> Vào thời gian nào chữ Quốc ngữ chính thức trở thành chữ viết của dân tộc Việt Nam? A. Thế kỉ XVII B. Thế kỉ XX C. Thế kỉ XVIII D. Thế kỉ XIX <u>Câu 10:</u> Ở Đàng Trong, mãi đến năm nào chúa Nguyễn mới tổ chức khoa thi đầu tiên theo cách riêng? A. Năm 1646 B. Năm 1746 C. Năm 1664 D. Năm 1764	B. Khuyến khích học chữ Hán và Nôm. C. Đẩy mạnh phát triển khoa học-KT D. Chú trọng nội dung kinh, sử. <u>Câu 16:</u> Ông là một nhà Nho, bỏ làm quan về làm thầy thuốc. Ông có rất nhiều đóng góp cho y học Việt Nam: A. Lê Hữu Trác B. Hải Thượng Lãn Ông C. Đào Duy Từ D. Câu a, b đúng <u>Câu 17:</u> Người Việt Nam đầu tiên chế tạo súng đại bác theo kiểu Phương Tây? A. Cao Thắng B. Hồ Nguyên Trừng C. Cao Lỗ D. Hồ Quý Ly <u>Câu 18:</u> Nội dung của tập “Hồ trưởng khu cơ” do Đào Duy Từ soạn là: A. Viết về nghệ thuật quân sự B. Phương pháp tác chiến C. Viết về tình hình nước ta thời kì này. D. Câu a, b đúng. <u>Câu 19:</u> Nhà quân sự Đào Duy Từ soạn binh pháp để giúp thế lực nào lúc này? A. Giúp chúa Nguyễn đánh chúa Trịnh B. Giúp chúa Trịnh đánh chúa Nguyễn C. Giúp Tây Sơn đánh Xiêm D. Giúp Tây Sơn đánh Thanh. <u>Câu 20:</u> Tôn giáo được khôi phục và phát triển giai đoạn này là: A. Nho giáo B. Đạo Phật C. Thiên Chúa giáo D. Tín ngưỡng dân gian.
--	---

Chương IV VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Bài 25

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - VĂN HOÁ DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

(Nửa đầu thế kỉ XIX)

1. XÂY DỰNG VÀ Củng cố bộ máy nhà nước:

a. Sự thành lập:

- 1802 Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu là Gia Long, lập ra nhà Nguyễn đóng đô ở Phú Xuân (Huế).
- 1804 đổi tên nước là Việt Nam (1838 Minh Mạng đổi thành Đại Nam).

b. Tổ chức bộ máy nhà nước:

- * Gia Long:
 - Trung ương tổ chức giống thời Lê sơ, gia tăng cường quyền lực nhà vua.
 - Chia cả nước thành 3 vùng: Bắc thành - Gia Định thành - Trục Doanh.
- * Minh Mạng:
 - 1831 - 1832 tiến hành cải cách hành chính: chia cả nước làm 30 tỉnh và 1 Phủ Thừa Thiên. Mỗi tỉnh đều có Tổng đốc, Tuần phủ cai quản. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu, tổng, xã như cũ.
 - * Tuyển chọn quan lại bằng khoa cử là chính, nhưng đa số quan lại bị thoái hoá.
 - * Luật pháp: ban hành bộ luật Gia Long (Hoàng triều luật lệ) để bảo vệ nhà nước và quy định chặt chẽ tôn ti trật tự phong kiến.
 - * Quân đội: tổ chức qui củ, trang bị vũ khí đầy đủ
 - * Ngoại giao: Thân phục nhà Thanh, đóng cửa với Phương Tây.

2. KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NGUYỄN: (khái quát một số chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế)

Ngành	Nhà nước	Nhân dân	Tích cực	Hạn chế
Nông nghiệp	-Chính sách Quân điền(1804) -Khai hoang, sửa đê, cấp vốn.	-Ra sức tăng gia sản xuất. -Trồng thêm các loại cây lương thực.	-Tạo điều kiện nông nghiệp phát triển -Giảm cảnh đói nghèo.	-Ruộng đất rơi vào tay quan lại, quý tộc, địa chủ. -Kỹ thuật lạc hậu -Nông dân bị bóc lột nặng nề.
Thủ công nghiệp	-Lập Quan xưởng (đúc tiền, vũ khí) - Đóng được tàu thủy chạy bằng hơi nước.	-Duy trì làng nghề truyền thống. -Nghề mới: in tranh dân gian	Tiếp cận công nghiệp cơ khí Phương Tây.	Do đóng cửa nên mức độ tiếp cận còn hạn chế.
Thương nghiệp	-Độc quyền ngoại thương -Đóng cửa với Phương Tây.	Buôn bán trong vùng, thuế cao, phức tạp.	Nhà nước cho buôn bán với các vùng.	-Ngoại thương không phát triển - Các đô thị suy tàn dần (trừ Thăng Long).

3. VĂN HOÁ - GIÁO DỤC:

Lĩnh vực	Nội dung
Tôn giáo	- Độc tôn Nho giáo, hạn chế Thiên Chúa giáo. - Tín ngưỡng dân gian tiếp tục phát triển.
Giáo dục	- Nho học được củng cố - Các khoa thi được tổ chức không nhiều. - Xây Quốc Tử Giám (1803), Văn Miếu (1808).
Văn học	- VH chữ Hán kém phát triển. - VH chữ Nôm ngày càng phong phú và hoàn thiện. - Tiêu biểu: Truyện Kiều (Nguyễn Du); thơ (Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan).
Sử học	- Quốc sử quán được thành lập, biên soạn các bộ sử chính thống. - Tiêu biểu: Lịch triều hiến chương (Phan Huy Chú), Gia Định thành thông chí (Trịnh Hoài Đức).
Kiến trúc	- Quần thể cung điện và các lăng tẩm vua ở Huế. - Cột cờ ở Hà Nội được xây dựng cao và đẹp.
Nghệ thuật dân gian	- Tiếp tục phát triển theo hình thức cũ.
Nghệ thuật sân khấu	- Ca nhạc cung đình.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Quốc hiệu đầu tiên của nước ta dưới thời Nguyễn là: A. Việt Nam. B. Đại Nam. C. Nam Việt. D. An Nam. <u>Câu 2:</u> Điểm khác nhau cơ bản của chính quyền thời Minh Mạng so với thời Gia Long là: A. Chia cả nước thành 30 tỉnh B. Thành lập phủ Thừa Thiên C. Xóa bỏ 3 vùng D. Có nhiều cải cách tiến bộ. <u>Câu 3:</u> Thời nhà Nguyễn, bộ Hoàng Việt	<u>Câu 13:</u> Tác gia nào dưới thời Nguyễn được vinh danh là danh nhân văn hóa của thế giới? A. Nguyễn Trãi. B. Nguyễn Du. C. Nguyễn Khuyến. D. Nguyễn Đình Chiểu. <u>Câu 14:</u> Quan xưởng nhà Nguyễn đạt được thành tựu rực rỡ nhất dưới thời: A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Thiệu Trị. D. Tự Đức. <u>Câu 15:</u> Nghề thủ công nào mới xuất hiện
---	--

Luật lệ còn có tên gọi là: A. Luật Gia Long. B. Luật hình thư. C. Luật Minh Mạng. D. Luật Hồng Đức. <u>Câu 4:</u> Nhà Nguyễn chủ trương hạn chế hoạt động của tôn giáo nào? A. Thiên Chúa giáo. B. Phật giáo. C. Đạo giáo. D. Nho giáo. <u>Câu 5:</u> Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế vào năm nào? Đặt niên hiệu là gì? A. Năm 1801- niên hiệu là Gia Long. B. Năm 1804- niên hiệu Càn Long. C. Năm 1806- niên hiệu Minh Mạng. D. Năm 1802- niên hiệu Gia Long. <u>Câu 6:</u> Chính quyền trung ương nhà Nguyễn được tổ chức theo mô hình triều đại nào trước đó? A. Nhà Hồ B. Nhà Lê. C. Nhà Lý. D. Nhà Trần. <u>Câu 7:</u> Nhà Nguyễn quan hệ ngoại giao với các nước Phương Tây như thế nào ? A. Quan hệ ngoại giao với Phương Tây. B. Chỉ quan hệ với các nước Châu Á. C. Thực hiện mở cửa với Phương Tây. D. Đóng cửa với Phương Tây. <u>Câu 8:</u> Thể loại văn học nào phát triển mạnh nhất dưới triều Nguyễn ? A. Văn học chữ Hán. B. Văn học chữ Nôm. C. Văn học dân gian. D. Văn học chữ Quốc ngữ. <u>Câu 9:</u> Dưới triều Nguyễn, địa danh nào được chọn làm kinh đô là trung tâm đầu não của cả nước? A. Thăng Long (Hà Nội) B. Phủ Qui Nhơn (Bình Định) C. Gia Định (Sài Gòn) D. Phú Xuân (Huế) <u>Câu 10:</u> Tác phẩm sử học nổi tiếng thời nhà	vào đầu thế kỷ XIX? A. Làm đường trắng. B. Khắc in bản gỗ. C. Làm đồng hồ. D. In tranh dân gian. <u>Câu 16:</u> Vì sao chính sách quân điền thời Nguyễn không đạt hiệu quả? A. Nông nghiệp quá lạc hậu. B. Người nông dân không quan tâm đến ruộng đất. C. Tình trạng chấp chiếm ruộng đất của giai cấp thống trị. D. Diện tích ruộng đất công ở làng xã quá nhiều. <u>Câu 17:</u> Về thực chất, chính sách quân điền của nhà Nguyễn nhằm cấp ruộng cho giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội? A. Nông dân, nô tì. B. Quan lại, binh lính. C. Địa chủ và nông dân. D. Quan lại, nhà chùa. <u>Câu 18:</u> Công trình văn hóa vật thể nào của nhà Nguyễn được UNESCO công nhận là di sản thế giới? A. Pháo cổ Hội An. B. Thánh địa Mỹ Sơn. C. Kinh thành Huế. D. Nhã nhạc cung đình Huế. <u>Câu 19:</u> Tổ chức bộ máy cai trị ở địa phương thời Minh Mạng theo những cấp nào? A. Tỉnh, phủ, huyện, xã. B. Tỉnh, huyện, phủ, tổng, xã. C. Tỉnh, phủ, huyện, châu, tổng, xã D. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã. <u>Câu 20:</u> Sự sa sút của kinh tế thương nghiệp thời Nguyễn đã dẫn đến hậu quả gì ? A. Nông nghiệp suy yếu. B. Thủ công nghiệp kém phát triển. C. Đô thị bị suy tàn. D. Nội thương kém phát triển. <u>Câu 21:</u> Triều Nguyễn tồn tại khoảng thời gian nào? Có bao nhiêu vua?
---	--

Nguyễn “Lịch triều hiến chương loại chí” của tác giả nào? A. Phan Huy Chú B. Ngô Cao Bằng C. Lê văn Hưu D. Trịnh Hoài Đức <u>Câu 11:</u> Nguồn tuyển chọn quan lại chủ yếu dưới thời Nguyễn là: A. Tiến cử B. Khoa cử C. Dòng dõi D. Đề cử. <u>Câu 12:</u> Thành tựu lớn nhất của thủ công nghiệp là: A. Nghề khai mỏ phát triển B. Tổ chức qui mô lớn C. In tranh dân gian (Đông Hồ) D. Đóng được tàu thủy chạy bằng máy hơi nước.	B. Từ 1801 -1945, có 13 vua C. Từ 1802 -1958, có 12 vua C. Từ 1802 -1945, có 13 vua D. Từ 1802 - 1885, có 13 vua <u>Câu 22:</u> Nhà nguyên thi hành chính sách thủ cựu nhằm: A. Duy trì chế độ quân chủ lạc hậu B. Thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trong nước C. Có đủ thực lực chống ngoại xâm D. Tránh sự dòm ngó của các nước xung quanh. <u>Câu 23:</u> Vì sao cuộc cải cách hành chính của Minh Mạng được đánh giá cao A. Là cơ sở cho việc phân chia các tỉnh hiện nay. B. Phù hợp với đặc điểm, nếp sống, phong tục của từng vùng miền C. Vì vua tài giỏi có nhiều cải cách. D. Câu a, b đúng
---	---

Bài 26

TÌNH HÌNH XÃ HỘI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN

1. TÌNH HÌNH XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN:

a. Tình hình XH:

- Nửa sau TK XIX, nhà Nguyễn tăng thêm tính chuyên chế, củng cố quan hệ sản xuất phong kiến.
- Xã hội chia thành 2 giai cấp: thống trị (vua quan, địa chủ), bị trị (nhân dân)
- Nhà Nguyễn cố gắng hoàn chỉnh bộ máy thống trị nhằm ổn định xã hội nhưng không ngăn chặn được sự phát triển của tệ quan tham.
- Ở nông thôn: địa chủ ra sức bóc lột nông dân.

b. Hậu quả:

- Thường xuyên xảy ra thiên tai, mất mùa, nạn đói.
- Đời sống nhân dân khổ cực.
- Mâu thuẫn xã hội gay gắt.

2. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN VÀ BINH LÍNH:

a. Đặc điểm:

- Hơn 400 cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra.
- Lôi cuốn nhiều tầng lớp tham gia: nông dân, binh lính, các tộc ít người.

b. Khởi nghĩa tiêu biểu :

- 1821 - 1827: Phan Bá Vành lãnh đạo khởi nghĩa ở Nam Định.
- 1854 - 1855: Cao Bá Quát lãnh đạo khởi nghĩa ở Hà Tây.
- 1833 - 1835: Lê Văn Khôi lãnh đạo binh lính khởi nghĩa ở Gia Định.

c. Ý nghĩa:

- Thể hiện tinh thần đấu tranh chống phong kiến của nhân dân.
- Khởi nghĩa tuy thất bại nhưng đã phản ánh sự khủng hoảng xã hội Việt Nam nửa sau TK XIX.

3. ĐẤU TRANH CỦA CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI :

* Nửa đầu TK XIX, các dân tộc ít người đã nhiều lần nổi dậy chống chính quyền.

* Phía Bắc:

- 1833 - 1835: Nông Văn Vân lãnh đạo người Tày khởi nghĩa ở Cao Bằng.
- 1832 - 1838: Các tù trưởng họ Quách lãnh đạo người Mường ở Hoà Bình và Tây Thanh Hoá khởi nghĩa.

* Tây Nam Kỳ:

- 1840-1848: nhiều cuộc khởi nghĩa của người Khơ-me nổ ra.

→ Phong trào đấu tranh chỉ tạm lắng xuống khi Pháp bắt đầu có những hành động xâm lược nước ta.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Thời nhà Nguyễn nửa đầu TK XIX có bao nhiêu cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình? A. Khoảng 250 cuộc khởi nghĩa. B. Khoảng 400 cuộc khởi nghĩa. C. Khoảng 500 cuộc khởi nghĩa. D. Khoảng 300 cuộc khởi nghĩa. <u>Câu 2:</u> Cuộc khởi nghĩa nông dân nào tiêu biểu và rộng lớn nhất đầu TK XIX? A. Cao Bá Quát và Phan Bá Vành. B. Cao Bá Quát và Nông Văn Vân. C. Cao Bá Quát và Lê Văn Khôi. D. Lê Văn Khôi và Nông Văn Vân. <u>Câu 3:</u> Cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành diễn ra thời gian nào? Ở đâu? A. 1821 Ứng Hòa (Hà Tây) B. 1854 Ứng Hòa (Hà Tây) C. 1821 Sơn Nam Hạ (Nam Định, Thái Bình) D. 1854 Sơn Nam Hạ (Nam Định) <u>Câu 4:</u> Cuộc khởi nghĩa của Cao Bá Quát diễn ra thời gian nào? Ở đâu? A. 1821 Ứng Hòa (Hà Tây). B. 1854 Ứng Hòa (Hà Tây).	<u>Câu 6:</u> Cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi diễn ra thời gian nào? Ở đâu? A. 1833 -1835 Gia Định B. 1833 -1835 Cao Bằng C. 1833 -1835 Nam Định D. 1833 -1835 Thanh Hóa <u>Câu 7:</u> Trong các năm 1840–1848, nhà Nguyễn đã đối phó với cuộc khởi nghĩa của người Khơ-me ở vùng nào? A. Tây Nam Kỳ B. Đông Nam Kỳ. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Biên giới phía Bắc. <u>Câu 8:</u> Lực lượng mới chống lại triều đình là: A. Các dân tộc ít người B. Binh lính C. Người Khơ-me D. Nông dân <u>Câu 9:</u> Đặc điểm nổi bật của phong trào đấu tranh trong thời gian này là: A. Nổ ra từ đầu vương triều B. Binh lính tham gia C. Liên tục, rộng lớn
--	---

C. 1821 Sơn Nam Hạ (Thái Bình). D. 1854 Sơn Nam Hạ (Nam Định). <u>Câu 5:</u> Cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân diễn ra thời gian nào? Ở đâu? A. 1833 -1835 Tuyên Quang, Cao Bằng. B. 1833 -1835 Cao Bằng, Lạng Sơn. C. 1835 -1837 Thanh Hóa, Nghệ An. D. 1835 -1837 Thái Nguyên, Tuyên Quang	D. Các dân tộc ít người tham gia. <u>Câu 10:</u> Lê văn Khôi lãnh đạo tầng lớp nào khởi nghĩa? A. Binh lính B. Nông dân C. Người Khơ-me D. Người Tày
---	---

Bài 27-28
SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX
(Khuyến khích HS tự đọc)

Phần III
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
Chương I
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN TỪ GIỮA TK XVI ĐẾN CUỐI TK XVIII
Bài 29
CÁCH MẠNG HÀ LAN VÀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH

1. CÁCH MẠNG HÀ LAN: (khuyến khích HS tự đọc)

2. CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH:

a. Nước Anh đầu TK XVII:

- * Kinh tế: có nền kinh tế phát triển nhất Châu Âu.
- Công trường thủ công (sản xuất len dạ) chiếm ưu thế.
- Tư sản Anh trở thành giai cấp giàu lên nhanh chóng nhờ bán len dạ và nô lệ.
- CNTB xâm nhập mạnh vào nông nghiệp qua quá trình “Rào đất cướp ruộng”.
- * Xã hội: phân hóa mạnh mẽ, xuất hiện tầng lớp quý tộc mới (tư sản hóa).
- Tư sản, quý tộc mới >< Quý tộc, giáo hội.
- * Chính trị:
- Vua Sác-lơ I cai trị độc đoán, duy trì nhiều đặc quyền phong kiến.
- Phong kiến cản trở sự kinh doanh của tư sản và quý tộc mới.

=> Như vậy: TK XVII, yêu cầu khách quan ở Anh là lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển.

b. Diễn biến (1642 – 1688):

4 -1640	Vua triệu tập Quốc hội để tăng thuế nhưng không được thông qua. Vua dùng quân đội đàn áp, quân chúng ủng hộ Quốc hội.
---------	---

8-1642	Vua tuyên chiến với Quốc hội.
1642–1648	Nội chiến xảy ra: quân Quốc hội dần thắng thế, vua bị bắt.
1-1649	Vua bị xử tử, Anh trở thành nước cộng hòa. Cách mạng Anh đạt đến đỉnh cao.
1653	Crôm-oen thiết lập chế độ độc tài quân sự.
1658	Crôm-oen mất, tình hình chính trị không ổn định, quân chúng nổi dậy đấu tranh. Tư sản và quý tộc mới lập lại chế độ quân chủ.
12-1688	Chế độ Quân chủ lập hiến được thiết lập, tập trung quyền lực vào tay tư sản và quý tộc mới.

c. Ý nghĩa:

- Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển.
- Mở ra thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

d. Tính chất: Là cuộc cách mạng tư sản không triệt để vì:

- Tàn dư phong kiến không bị xóa bỏ.
- Chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Vào đầu TK XVII, nước Anh: A. Có một nền kinh tế phát triển nhất Châu Âu. B. Là một vùng kinh tế công thương nghiệp phát triển nhất Châu Âu. C. Là trung tâm công nghiệp -thương mại - tài chính bậc nhất Châu Âu. D. Là trung tâm thương nghiệp. <u>Câu 2:</u> Sự thâm nhập của CNTB vào nông nghiệp ở Anh đã làm biến đổi: A. Cơ cấu kinh tế của nước Anh B. Quan hệ TBCN phát triển mạnh mẽ C. Nền nông nghiệp phong kiến chuyển biến thành nông nghiệp TBCN. D. Xã hội mâu thuẫn sâu sắc. <u>Câu 3:</u> Khi nền nông nghiệp phong kiến chuyển thành nông nghiệp TBCN phải thông qua: A. Sự thâm nhập của quý tộc mới. B. Bạo lực tàn nhẫn đối với nông dân. C. Bạo lực tàn nhẫn đối với nông dân qua quá trình “Rào đất cướp ruộng”.	<u>Câu 12:</u> Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tư sản Anh TK XVII: A. Cổ vũ cuộc đấu tranh trên thế giới B. Mở đường cho CNTB phát triển C. Là cuộc cách mạng tư sản D. Ảnh hưởng các nước Mỹ La Tinh. <u>Câu 13:</u> Những sự kiện chính trong tiến trình cuộc cách mạng Anh: A. 1642 - 1646 - 1648 - 1653 - 1698 B. 1642 - 1648 - 1649 - 1653 - 1698 C. 1642 - 1684 - 1649 - 1653 - 1689 D. 1642 - 1648 - 1649 - 1653 - 1689 <u>Câu 14:</u> Lãnh đạo cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII là giai cấp nào? A. Tư sản và quý tộc mới B. Tư sản và địa chủ C. Tư sản và chủ nô D. Tư sản <u>Câu 15:</u> Chế độ quân chủ lập hiến được thành lập ở Anh năm 1688 để: A. Bảo vệ quyền lợi tư sản và quý tộc, B. Bảo vệ quyền lợi cho tư sản
--	--

D. Giai cấp tư sản. <u>Câu 4:</u> Quá trình “Rào đất cướp ruộng” ở Anh diễn ra đưa đến hậu quả: A. Xã hội Anh bị phân hóa mạnh mẽ B. Hàng triệu nông dân bị mất đất và phá sản. C. Nhiều địa chủ phải chuyển hướng sang kinh doanh. D. Nội chiến bùng nổ. <u>Câu 5:</u> Tầng lớp “quí tộc mới” xuất hiện ở Anh là tầng lớp: A. Có thế lực kinh tế lớn. B. Đã suy yếu nhiều về kinh tế. C. Có cùng quyền lợi và nguyện vọng với giai cấp tư sản. D. Giữ các chức vụ cao cấp trong bộ máy chính quyền. <u>Câu 6:</u> Trước cách mạng, xã hội Anh phân hóa và chia thành hai phe đối lập: A. Quí tộc mới >< Tư sản, nông dân. B. Quí tộc Pkiến >< Tư sản, nông dân. C. Quí tộc Pkiến >< Quí tộc mới, tư sản. D. Quí tộc phong kiến >< Quí tộc mới, tư sản, nông dân. <u>Câu 7:</u> Châm ngôn cuộc cách mạng tư sản Anh bùng nổ năm 1642 là: A. Sácơ I cai trị độc đoán, đặt thêm nhiều thuế mới. B. Sácơ I cưỡng bức người Anh theo Anh giáo. C. Dân Xcôtlen chống lại Sácơ I. D. Vua cản trở sự kinh doanh của tư sản <u>Câu 8:</u> Khi nội chiến xảy ra ở Anh, người có công góp phần cho thắng lợi của Quốc hội là: A. Vinhem Orangio B. Olivơ Crômoen C. Sácơ I D. Tư sản <u>Câu 9:</u> Đầu 1649 Sácơ I bị xử tử, chứng tỏ nước Anh: A. Chế độ độc tài quân sự bị lật đổ B. Chế độ quân chủ lập hiến bị lật đổ C. Chế độ phong kiến bị lật đổ	C. Bảo vệ quyền lợi của vua. D. Tập trung quyền lực cho tư sản và quí tộc mới. <u>Câu 16:</u> Sau khi mất sự ủng hộ của quần chúng, để bảo vệ quyền lợi của mình, tư sản và quí tộc mới đã làm gì? A. Lập chế độ độc tài quân sự do Crômoen làm Bảo hộ công B. Lập lại chế độ quân chủ do con Sácơ I lên làm vua. C. Cai trị độc tài và chuyên chế. D. Đàn áp tất cả các cuộc nổi dậy. <u>Câu 17:</u> Mục tiêu đấu tranh của giai cấp tư sản chống lại giai cấp phong kiến? A. Vì họ có tiền nhưng không có quyền. B. Vì bị phong kiến kìm hãm. C. Để giành độc lập tự do cho nhân dân. D. Để nắm quyền thống trị xã hội và mở đường cho CNTB phát triển. <u>Câu 18:</u> Cuộc cách mạng tư sản Anh có tính chất như thế nào? A. Là cuộc CM tư sản không triệt để B. Là cuộc CM vô sản C. Là cuộc CM dân chủ tư sản kiểu mới D. Là cuộc nội chiến <u>Câu 19:</u> Vì sao bọn quí tộc, địa chủ “Rào đất cướp ruộng” của nông dân Anh? A. Để tư bản cơ giới hóa nông nghiệp B. Để biến ruộng đất thành đồng cỏ nuôi cừu. C. Để thành thị hóa nông thôn. D. Để tiện quản lý <u>Câu 20:</u> Chi phối tiến trình cách mạng, tính chất và kết quả CM tư sản Anh không triệt để là do ở Anh xuất hiện: A. Địa chủ B. Tư sản C. Quí tộc mới D. Quí tộc phong kiến phản động. <u>Câu 21:</u> Ai đã tổ chức chính biến lật đổ dòng Xtiutơ ở Anh vào năm 1688? A. Quốc hội B. Tư sản C. Quần chúng nhân dân
--	---

D. Chế độ cộng hòa bị lật đổ. <u>Câu 10:</u> Sau khi cách mạng tư sản Anh thành công, giai cấp lên cầm quyền là: A. Tư sản và quý tộc mới B. Tư sản và quý tộc C. Phe bảo hoàng D. Tư sản <u>Câu 11:</u> Cách mạng tư sản Anh là một sự kiện quan trọng trong lịch sử Châu Âu và thế giới vì: A. Đã lật đổ phong kiến ở Anh B. Giải quyết ruộng đất cho nông dân C. Mở đường CNTB phát triển D. Mở ra thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.	D. Crômoen <u>Câu 22:</u> Cách mạng tư sản Anh đưa đến một hậu quả chính trị có ảnh hưởng cho đến ngày nay ở Anh đó là: A. Sác-lơ I bị tử hình B. Nước Anh theo chế độ cộng hòa C. Nước Anh theo chế độ quân chủ lập hiến D. Nước Anh vẫn còn vua đứng đầu.
--	---

----- **Bài 30** **CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MỸ**

1. SỰ PHÁT TRIỂN CNTB VÀ NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CHIẾN TRANH:

a. Sự phát triển CNTB: Nửa đầu TK XVIII, Anh đã lập được 13 thuộc địa dọc theo bờ Đại Tây Dương.

- * Kinh tế: Công thương nghiệp phát triển theo con đường TBCN.
- Miền Bắc: Phát triển luyện kim, đóng tàu (công trường thủ công)
- Miền Nam: sản xuất lương thực, bông, mía, thuốc lá (đồn điền)
- Kinh tế phát triển thúc đẩy nhu cầu trao đổi giữa các thuộc địa ngày càng tăng.

- * Chính trị:
- 13 thuộc địa phải tuân theo luật pháp nước Anh.
- Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính ở Bắc Mỹ.
- Một quốc gia dân tộc đang dần dần hình thành.

b. Nguyên nhân chiến tranh:

- Kinh tế thuộc địa phát triển đủ sức cạnh tranh với nước Anh.
- Anh đề ra nhiều chính sách làm tổn hại đến quyền lợi nhân dân thuộc địa, gây nên sự phản ứng mạnh mẽ trong mọi tầng lớp nhân dân.

2. DIỄN BIẾN CHIẾN TRANH VÀ SỰ THÀNH LẬP HỢP CHÚNG QUỐC MỸ:

(Hướng dẫn HS lập niên biểu sự kiện chính)

1773	Xảy ra sự kiện chè Bô-xton, thổi lên ngọn lửa chiến tranh.
------	--

1774	Đại hội lục địa lần 1, vua Anh không bãi bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp.
4 -1775	Chiến tranh bùng nổ. Lúc đầu quân thuộc địa thất bại. Sau đó tại Đại hội lục địa lần 2 quyết định thành lập quân đội và cử Washington làm tổng chỉ huy.
4 -7 -1776	Đại hội thuộc địa thông qua bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố thành lập Hợp chúng quốc Mỹ.
10-1777	Quân thuộc địa thắng lớn ở Xaratôga tạo nên bước ngoặt chiến tranh.
1781	Nghĩa quân thắng trận quyết định ở I-ooc-tao, quân Anh đầu hàng. Năm sau chiến tranh kết thúc.

3. KẾT QUẢ - Ý NGHĨA CỦA CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP:

a. Kết quả:

- 9-1783: theo Hòa ước Vecxai, Anh công nhận độc lập của 13 thuộc địa Bắc Mỹ. Hợp chúng quốc Mỹ ra đời.
- 1787: Thông qua Hiến pháp mới, Mỹ là nước Cộng hòa Liên bang

b. Ý nghĩa:

- Giải phóng Bắc Mỹ khỏi ách thống trị của Anh, thành lập 1 quốc gia dân tộc tư sản
- Mở đường cho CNTB Mỹ phát triển
- Thúc đẩy phong trào chống phong kiến ở châu Âu và phong trào đấu tranh giành độc lập ở Mỹ La Tinh

c. Tính chất:

- Là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên bùng nổ ngoài Châu Âu (không triệt để).
- Là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Sự kiện châm ngòi trực tiếp cho cuộc chiến tranh bùng nổ ở Bắc Mỹ là: A. Sự kiện chè Bôtxton B. Chính phủ Anh tăng thuế C. Chính phủ Anh không hạn chế chính sách công thương nghiệp D. Nhân dân thuộc địa nổi dậy <u>Câu 2:</u> Hợp chúng quốc Mỹ chính thức ra đời vào: A. 4/7/1776 B. 7/1783 C. 9/1783 D. 9/1789 <u>Câu 3:</u> Tổng thống đầu tiên của Mỹ là: A. Kennedy	<u>Câu 9:</u> Nguyên nhân bùng nổ cuộc chiến tranh giành độc lập 13 thuộc địa? A. Mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản B. Mâu thuẫn giữa thuộc địa và chính quốc. C. Mâu thuẫn giữa chủ nô và nô lệ. D. Mâu thuẫn giữa tư sản và chủ nô. <u>Câu 10:</u> Lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập là: A. Tư sản B. Chủ nô C. Câu a, b đúng D. Chủ trại <u>Câu 11:</u> Quốc gia đầu tiên trên thế giới tuyên bố toàn thể nhân loại về quyền con người?
---	---

B. Lincon C. Rudoven D. Oasinhton <u>Câu 4:</u> Ngày quốc khánh của nước Mĩ hàng năm là: A. Ngày 4/7 B. Ngày 14/7 C. Ngày 7/4 D. Ngày 17/4 <u>Câu 5:</u> Bản Tuyên ngôn độc năm 1776 lập có mặt hạn chế nào? A. Không giải quyết ruộng đất cho dân B. Người dân không có quyền công dân C. Tư hữu tài sản là bất khả xâm phạm D. Không xóa bỏ chế độ nô lệ và bóc lột người làm thuê. <u>Câu 6:</u> Lực lượng lao động chủ yếu ở miền Nam là: A. Chủ nô B. Nô lệ da đen C. Công nhân D. Tư sản. <u>Câu 7:</u> Hiến pháp 1787 qui định: tổng thống Mĩ có quyền hạn như thế nào? A. Nắm quyền hành pháp B. Nắm quyền tổng chỉ huy quân đội C. Câu a, b đúng D. Quyền hành tuyệt đối. <u>Câu 8:</u> Nắm quyền thống trị 13 thuộc địa trước chiến tranh là: A. Chính phủ Anh B. Chính phủ Mĩ C. Tư sản Anh D. Tư sản Mĩ.	A. Mĩ B. Pháp C. Anh D. Đức <u>Câu 12:</u> Cách mạng tư sản Mĩ diễn ra dưới hình thức: A. Nội chiến, chống thù trong giặc ngoài B. Nội chiến C. Chiến tranh giành độc lập D. Biểu tình và khởi nghĩa vũ trang. <u>Câu 13:</u> Mốc thời gian mở đầu và kết thúc cuộc chiến tranh giành độc lập: A. 1765 - 1787 B. 1765 - 1783 C. 1775 - 1783 D. 1775 - 1787 <u>Câu 14:</u> Ngày 4/7/1776 ở Bắc Mĩ xảy ra sự kiện chính trị quan trọng: A. Tuyên ngôn độc lập được công bố B. Ban hành Hiến pháp C. Kí hòa ước Vecxai giữa Anh và Mĩ D. Chiến tranh bùng nổ giữa Anh và Mĩ. <u>Câu 15:</u> 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ ngày nay thuộc vùng nào của Hoa Kì? A. Miền Nam B. Miền Bắc C. Miền Đông Bắc D. Miền Viễn Tây
--	---

Bài 31 **CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII**

I. NƯỚC PHÁP TRƯỚC CÁCH MẠNG:

1. Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội:

a. Kinh tế: Cuối thế TK XVIII, Pháp vẫn là một nước phong kiến.

- Nông nghiệp: công cụ thô sơ, lạc hậu → Nạn đói thường xuyên xảy ra.

- Công thương nghiệp phát triển: Máy móc sử dụng nhiều trong ngành dệt, luyện kim, khai khoáng. Nhưng vẫn bị rào cản của chế độ phong kiến
- Ngoại thương: Buôn bán mở rộng với nhiều nước châu Âu và phương Đông

b. Chính trị:

Duy trì chế độ chế độ quân chủ chuyên chế, do vua Lu-i XVI đứng đầu có quyền tối cao.

c. Xã hội: chia thành 3 đẳng cấp

- ĐC1 (Tăng lữ), ĐC2 (Quý tộc): chiếm số ít nhưng được hưởng mọi đặc quyền, đặc lợi, bổng lộc, miễn thuế...nên muốn duy trì chế độ phong kiến.
- ĐC3 (Tư sản, nông dân, bình dân): phải chịu mọi nghĩa vụ phong kiến và không có quyền lợi chính trị.

=> ĐC3 >< ĐC1,2 ngày càng gay gắt, báo hiệu một cuộc cách mạng đang đến gần.

2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng:

* TK XVIII ở Pháp xuất hiện tư tưởng lên án chế độ phong kiến. Nổi bật là trào lưu “Triết học ánh sáng” của giai cấp tư sản, tiêu biểu: Mông-te-xki-ơ; Vôn-te; Ru-xô.

- Nội dung:
 - + Phê phán sự thối nát của phong kiến và nhà thờ Kitô giáo.
 - + Đưa ra quan điểm tiến bộ về việc xây dựng nhà nước mới.
- Tác dụng:
 - + Tấn công vào hệ tư tưởng phong kiến.
 - + Dọn đường cho cuộc cách mạng bùng nổ.

II. TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG: (Hướng dẫn HS lập niên biểu tiến trình CM, nhấn mạnh sự kiện: 14/7, “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền”, nền chuyên chính dân chủ CM Gia-cô-banh)

Quyền lực thuộc về	Thời gian	Sự kiện diễn ra
Phong kiến (Lu - i 16)	5.5.1789	- Hội nghị 3 đẳng cấp ở Vecxai -> Đại biểu ĐC3 tuyên bố thành lập Quốc hội lập hiến
	14.7.1789	- Quân chúng Pari tấn công và chiếm ngục Baxti (Biểu tượng của chế độ PK) => CM bùng nổ.
Đại tư sản tài chính (Phái lập hiến)	Cuối 8.1789	- “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền”. Hạn chế: Tuyên bố quyền tư hữu tài sản là thiêng liêng bất khả xâm phạm).
	9.1791	- Hiến pháp mới được thông qua.
	4.1792	- Áo - Phổ tấn công Pháp.
Tư sản công thương (Phái Girôngđanh)	10.8.1792	- Vua và hoàng hậu bị bắt. - Quốc hội mới (Quốc ước): Nam 21 tuổi trở lên có quyền công dân.
	21.1.1793	- Vua Lu-i 16 bị xử tử.
	31.5 và 2.6.1793	- Phái Girôngđanh bị lật đổ (vì không muốn đưa CM tiến xa)

Tư sản vừa và nhỏ (Phái Giacôbanh)	Từ 6.1793	* Biện pháp để đưa CM vượt qua khó khăn: - Giải quyết triệt để ruộng đất cho nông dân. - Hiến pháp mới tuyên bố quyền dân chủ rộng rãi và xóa bỏ đẳng cấp. - Lệnh tổng động viên - Luật giá tối đa - Luật về mức lương tối đa của công nhân. => Cuối 1793 CM đẩy lùi được thù trong giặc ngoài và đạt đến đỉnh cao.
	27.7.1794	- Phái Giacôbanh bị lật đổ bởi thế lực phản động.
Phái Tecmido	1794	- Chế độ Độc Chính được thiết lập. Thủ tiêu mọi thành quả CM.
	1799	- Xảy ra đảo chính. Chế độ Độc tài quân sự được thiết lập.
	1804	- Napôlêông lên ngôi hoàng đế, thành lập Đế chế I
	1815	- Đế chế I sụp đổ, chế độ quân chủ được phục hồi.

III. Ý NGHĨA CÁCH MẠNG:

1. Ý nghĩa:

- Tạo điều kiện kinh tế TBCN phát triển.
- Mở ra thời đại thắng lợi và củng cố CNTB ở các nước tiên tiến bấy giờ.

2. Tính chất: Là cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu triệt để nhất vì đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng tư sản và dân chủ:

- Lật đổ chế độ phong kiến và thủ tiêu mọi tàn dư phong kiến.
- Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- Thị trường dân tộc thống nhất được hình thành.

Bài tập 1:

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Nơi được em là biểu tượng quyền lực của chế độ phong kiến Pháp? A. Ngục Baxti B. Cung điện Vecxai C. Thủ đô Pari D. Pháo đài Vecdoong <u>Câu 2:</u> Cuộc cách mạng mở ra thời đại thắng lợi của CNTB ở Âu - Mỹ là: A. Cách mạng tư sản Hà Lan B. Cách mạng tư sản Pháp C. Cách mạng tư sản Anh	<u>Câu 15:</u> Thời kỳ nào đã đưa cách mạng tư sản Pháp lên đến đỉnh cao? A. Thời kỳ phái lập hiến B. Thời kỳ phái Girôngđanh C. Thời kỳ phái Giacôbanh D. Thời kỳ Độc chính <u>Câu 16:</u> Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Pháp cuối thế kỷ XVIII là giữa: A. Tầng lữ với quý tộc. B. Tầng lữ với Đẳng cấp 3. C. Quý tộc với Đẳng cấp 3.
--	---

D. Cách mạng tư sản Mĩ <u>Câu 3:</u> Tính chất cuộc cách mạng tư sản Pháp: A. Cách mạng tư sản không triệt để B. Cách mạng tư sản triệt để nhất C. Cách mạng vô sản triệt để nhất D. Chiến tranh giải phóng dân tộc <u>Câu 4:</u> Đảng cấp nào được hưởng đặc quyền đặc lợi và không phải nộp thuế? A. Tầng lớp B. Quý tộc C. Tầng lớp và quý tộc D. Đảng cấp thứ ba <u>Câu 5:</u> Việc làm đầu tiên của phái Giacobanh khi lên cầm quyền là: A. Giải quyết ruộng đất nông dân B. Kiên quyết trừng trị bọn nội phản C. Ban hành ngay Hiến pháp D. Kiên quyết chống ngoại xâm. <u>Câu 6:</u> Cách mạng tư sản Pháp diễn ra dưới hình thức: A. Nội chiến và chống thù trong giặc ngoài B. Nội chiến C. Chiến tranh giành độc lập D. Biểu tình và khởi nghĩa vũ trang. <u>Câu 7:</u> Điểm khác biệt căn bản giữa phái Giacobanh và phái Girôngđanh? A. Phái Giacobanh kiên quyết, cách mạng hơn phái Girôngđanh. B. Họ đều xuất thân từ tầng lớp tư sản C. Phái Giacobanh là những tư sản nhỏ D. Phái Giacobanh đứng đầu là luật sư. <u>Câu 8:</u> Trước cách mạng, nền kinh tế Pháp có điểm khác kinh tế Anh là: A. Không có sự xâm nhập của CNTB vào nông nghiệp. B. Kinh tế lạc hậu C. Nhiều ruộng đất bị bỏ hoang D. Nông nghiệp phát triển <u>Câu 9:</u> Chế độ phong kiến Pháp thật sự bị lật đổ khi: A. Ngục Baxti bị chiếm B. Vua và hoàng hậu bị bắt C. Vua Lu-I XVI bị xử tử	D. Tầng lớp, quý tộc với Đảng cấp 3. <u>Câu 17:</u> Vì sao phái Giacobanh sụp đổ? A. Mâu thuẫn nội bộ. B. Phái Giacobanh bị mất niềm tin của quần chúng nhân dân. C. Phái Giacobanh chỉ lo củng cố quyền lực không chăm lo đời sống nhân dân. D. Tư sản phản động đảo chính. <u>Câu 18:</u> Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 có điểm tiến bộ nào? A. Đề cao quyền tự do bình đẳng của con người B. Đáp ứng nguyện vọng nhân dân Pháp C. Bảo vệ quyền lợi tư sản D. Bảo vệ quyền lợi nhân dân. <u>Câu 19:</u> Điểm hạn chế của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 là: A. Chưa đề cập đến vấn đề ruộng đất. B. Quyền tư hữu tài sản là thiêng liêng bất khả xâm phạm. C. Vua, quý tộc không có quyền D. Vua, tầng lớp không có quyền. <u>Câu 20:</u> Điểm chung thể hiện mặt tiến bộ của Tuyên ngôn Độc lập 1776 của Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 của Pháp là gì? A. Đề cao quyền công dân và quyền con người. B. Bảo vệ quyền lợi các tầng lớp. C. Bảo vệ quyền lợi cho tư sản. D. Quyền tư hữu tài sản là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. <u>Câu 21:</u> Trào lưu Triết học ánh sáng có vai trò như thế nào đối với cách mạng? A. Là những tư tưởng tiến bộ của tư sản. B. Là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng của tư sản, dọn đường cho cách mạng bùng nổ. C. Phê phán chế độ phong kiến lạc hậu. D. Thể hiện tư tưởng dân chủ của tư sản <u>Câu 22:</u> Khẩu hiệu nổi tiếng trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 của nước Pháp? A. Tự do - Bình đẳng - Độc lập
--	---

D. Tư sản lên nắm quyền. <u>Câu 10:</u> Trong tiến trình cách mạng Pháp, Quốc hội được bầu theo phổ thông đầu phiếu năm 1792 là: A. Quốc ước B. Quốc hội lập pháp C. Quốc hội lập hiến D. Câu a, b, c sai <u>Câu 11:</u> Lực lượng đóng vai trò quyết định đưa cách mạng Pháp tiến lên và đi đến thành công là: A. Quý tộc mới B. Nô lệ da đen C. Tư sản D. Quần chúng nhân dân. <u>Câu 12:</u> Trong suốt tiến trình cách mạng, quần chúng nhân dân có mấy lần đứng lên chống phong kiến và tư sản? A. 1 lần B. 2 lần C. 3 lần D. 4 lần. <u>Câu 13:</u> Trước cách mạng, cùng đứng lên chống phong kiến gồm có: A. Tư sản, nông dân, bình dân B. Nông dân, công nhân C. Quý tộc, thợ thủ công D. Tầng lớp, tiểu tư sản. <u>Câu 14:</u> 1789, do tài chính của vương quốc cực kì nguy ngập buộc vua phải: A. Tăng thuế tư sản B. Bóc lột Đảng cấp 3 C. Triệu tập Quốc hội để tăng thuế D. Triệu tập Hội nghị 3 đẳng cấp tại Vecxai.	B. Tự do- Bình đẳng - Hạnh phúc C. Tự do- Bình đẳng - Bác ái D. Tự do- Bình đẳng - Phát triển <u>Câu 23:</u> Hoàng đế đầu tiên của Pháp: A. Na-pô-lê-ông I B. Lu-i I C. Sác-lơ I D. Rô-be-spie <u>Câu 24:</u> Ngày quốc khánh hàng năm của Pháp là: A. Ngày 4/7 B. Ngày 14/7 C. Ngày 21/1 D. Ngày 5/5 <u>Câu 25:</u> Hiến pháp năm 1791 không đem lại quyền lợi cho: A. Tư sản B. Quý tộc, tầng lớp C. Đảng cấp 3 D. Vua, quý tộc, tầng lớp, nhân dân. <u>Câu 26:</u> Thực chất của khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” của tư sản Pháp? A. Nhằm lôi kéo nhân dân bị áp bức đứng về phía chúng. B. Đề cao bình đẳng, công lý nhưng chỉ trên lý thuyết. C. Nhằm xoa dịu mâu thuẫn trong nước. D. Câu a, b đúng. <u>Câu 27:</u> Phái Giacôbanh là đại diện của: A. Tư sản vừa và nhỏ B. Tư sản công thương C. Đại tư sản tài chính D. Tiểu tư sản <u>Câu 28:</u> Những chính sách của phái Giacôbanh có tác dụng: A. Giải quyết được yêu cầu công nhân B. Đáp ứng nguyện vọng nông dân C. Huy động sức mạnh toàn dân D. Đưa cách mạng đến đỉnh cao.
---	---

Bài tập 2: Hoàn thành bảng thống kê CMTS ANH - MỸ - PHÁP XVII - XVIII

	CMTS ANH	CTGDL BẮC MỸ	CMTS PHÁP
Thời gian	1640 -1689	1775 -1783	1789 - 1794
Hình thức diễn ra	Nội chiến	Giành độc lập	Vừa nội chiến vừa chống thù trong giặc ngoài
Nhiệm vụ cách mạng	Lật đổ PK	Lật đổ PK Anh , giải phóng dân tộc	Lật đổ PK và liên minh PK bên ngoài (Áo - Phổ)
Lãnh đạo cách mạng	Tư sản và quý tộc mới	Tư sản và chủ nô	Đại tư sản , tư sản và tiểu tư sản
Động lực cách mạng	Quần chúng nhân dân (nông dân)	Quần chúng nhân dân (TS, CN, ND, nô lệ)	Quần chúng nhân dân lao động (nông dân)
Đặc điểm (Văn kiện xác định thể chế dân chủ tư sản)	- Không có bầu cử, không có hiến pháp	- Có tuyên ngôn độc lập 1776, hiến pháp 1787	- Có bầu cử, có tuyên ngôn nhân quyền, dân quyền 1789, có hiến pháp 1791 và 1793
Kết quả	- Lật đổ PK - Lập chế độ Quân chủ lập hiến (TS, Quý tộc mới nắm quyền)	- Lật đổ Anh - Lập Hợp chủng quốc Hoa Kỳ với nền cộng hòa (TS và Chủ nô nắm quyền, theo chế độ tổng thống)	- Lật đổ PK - Lập chế độ cộng hòa (Tư sản nắm quyền)
Tính chất cách mạng	- CMTS kg triệt để (còn tàn dư PK, chưa chia ruộng cho dân cày)	- CMTS kg triệt để (duy trì chế độ nô lệ) -Chiến tranh giải phóng dân tộc	- CMTS triệt để nhất (hoàn thành nhiệm vụ CM, chế độ PK không còn, chia ruộng cho dân cày)

Ý nghĩa cách mạng	- Mở ra thời kì quá độ từ chế độ PK sang TB - Mở đường CNTB phát triển	- Ảnh hưởng phong trào giải phóng dân tộc nhiều nước trên thế giới - Mở đường CNTB phát triển	- Để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử thế giới: - Thể hiện tinh thần đấu tranh giai cấp - Mở đường CNTB phát triển
--------------------------	--	---	---

Chương II
CÁC NƯỚC ÂU - MỸ TỪ ĐẦU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX
Bài 32
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở CHÂU ÂU

1. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP ANH:

a. Tiền đề cách mạng: Anh là nước đầu tiên tiến hành cách mạng công nghiệp từ những năm 60 TK XVIII vì:

- Do cách mạng tư sản nổ ra sớm.
- Có nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất như: tư bản, nhân công và sự phát triển kỹ thuật.

b. Diễn biến:

* Công nghiệp nhẹ: Những phát minh kỹ thuật đầu tiên ở Anh bắt đầu từ ngành dệt vì vốn ít, tư bản thu hồi nhanh, lợi nhuận dễ dàng.

Thời gian	Người phát minh	Thành tựu
1764	Giêm Ha-gri-vơ	Máy kéo sợi Giem-ni (dùng sức người)
1769	Ác-crai-tơ	Máy kéo sợi chạy bằng sức nước
1779	Crôm-ton	Cải tiến máy kéo sợi cho sản phẩm đẹp và bền.
1785	Ét-mơn Các-rai	Máy dệt chạy bằng sức nước.
1784	Giêm Oát	Máy hơi nước -> làm cho tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng lên, lao động bằng tay dần được thay thế bằng máy móc, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa ở Anh.

* Công nghiệp nặng:

- 1735 phát minh phương pháp nấu than cốc là một đóng góp quan trọng cho việc luyện gang thép.

* Giao thông vận tải: có những bước tiến lớn

- 1814 Xti-phen-xơn chế tạo thành công đầu máy xe lửa đầu tiên.

- Giữa TK XIX Anh có 10000 km đường sắt.

c. Kết quả:

- Anh được mệnh danh là “công xưởng của thế giới”
- Luân Đôn trở thành trung tâm thương mại và là thủ đô đầu tiên của Châu Âu tiến lên con đường công nghiệp hóa.

2. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP PHÁP - ĐỨC: (khuyến khích HS tự đọc)

3. HỆ QUẢ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP:

a. Kinh tế:

- Nâng cao năng suất lao động, làm ra khối lượng lớn sản phẩm cho xã hội.
- Thay đổi bộ mặt các nước tư bản: nhiều trung tâm công nghiệp và thành thị đông dân xuất hiện.
- Thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ các ngành kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải.

b. Xã hội: 2 giai cấp cơ bản

- Tư sản công nghiệp - vô sản công nghiệp.
- Nổ ra cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội TB giữa vô sản và tư sản.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu từ thời gian nào? A. Từ cuối những năm 50 TK XVIII. B. Từ những năm 60 TK XVIII. C. Từ đầu những năm 70 TK XVII. D. Từ cuối những năm 60 TK XVIII. <u>Câu 2:</u> Máy móc được phát minh sử dụng đầu tiên trong sản xuất, mở đầu cho cách mạng công nghiệp là: A. máy hơi nước. B. Xe lửa. C. Máy kéo sợi. D. Máy dệt <u>Câu 3:</u> Ai sáng chế ra máy kéo sợi và lấy tên con gái mình đặt tên cho máy? A. Giêm Oat. B. Giêm Hagrivo. C. Ét mon-các rai. D. Xliphên xon. <u>Câu 4:</u> Ét mon Cácrai chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước dẫn tới kết quả gì? A. Nhiều nhà máy dệt được xây dựng ven sông nước chảy xiết. B. Năng suất của thợ dệt tăng gần 40 lần so	<u>Câu 8:</u> Phát minh nào được coi là khởi đầu quá trình công nghiệp hóa ở Anh? A. Máy hơi nước B. Máy vi tính C. Máy dệt D. Máy Gianni <u>Câu 9:</u> Quốc gia nào khởi đầu cách mạng công nghiệp ở Châu Âu? A. Pháp B. Anh C. Mĩ D. Đức <u>Câu 10:</u> Sản phẩm quan trọng của cách mạng công nghiệp là: A. Hàng loạt máy móc ra đời B. Hình thành trung tâm công nghiệp C. Hình thành giai cấp vô sản công nghiệp D. Hình thành giai cấp tư sản công nghiệp <u>Câu 11:</u> “Công xưởng thế giới” là cách gọi đặc biệt để chỉ sự phát triển công nghiệp của nước nào? A. Anh B. Pháp C. Mĩ
--	---

với dệt tay. C.. Lao động bằng tay dần dần được thay thế bằng máy móc. D. Khởi đầu quá trình CN hóa ở Anh. <u>Câu 5:</u> Nội dung nào không phải là tiền đề của cách mạng công nghiệp Anh? A. Nguồn nhân công dồi dào B. Thị trường rộng lớn C. Có chỗ dựa là tôn giáo D. Có nguồn vốn lớn <u>Câu 6:</u> Hệ quả xã hội của cách mạng công nghiệp ở Châu Âu cuối TK XVIII đến đầu TK XIX là gì? A. Làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản B. Thúc đẩy những chuyển biến trong nông nghiệp và giao thông. C. Hình thành giai cấp tư sản, vô sản D. Góp phần giải phóng nông dân, góp phần bổ sung lao động cho thành thị. <u>Câu 7:</u> Thế giới và Việt Nam hiện nay đang tiến hành CM công nghiệp 4.0. Theo em, vấn đề nhức nhối nhất đối với tất cả các nước để có thể phát triển bền vững là gì? A. Bùng nổ dân số. B. Ô nhiễm môi trường. C. Khủng bố. D. Chênh lệch giàu nghèo	D. Đức <u>Câu 12:</u> Phát minh quan trọng nhất trong ngành dệt: A. Máy kéo sợi B. Máy hơi nước C. Máy dệt D. Máy kéo sợi cải tiến. <u>Câu 13:</u> Cách mạng công nghiệp là: A. Là cuộc cách mạng trong sản xuất. B. Là sự chuyển biến từ lao động thủ công sang lao động bằng máy móc. C. Câu a, b đúng D. Là sự kết hợp lao động thủ công và máy móc. <u>Câu 14:</u> Những phát minh máy móc ở Anh bắt đầu từ ngành sản xuất nào? A. Ngành luyện kim, đóng tàu B. Ngành dệt C. Ngành công nghiệp nặng D. Sản xuất hàng tiêu dùng. <u>Câu 15:</u> Điểm nào không đúng khi nói về giai cấp công nhân Anh trong thời kì khởi đầu cách mạng công nghiệp? A. Nhờ có máy móc, điều kiện lao động đỡ vất vả, giờ làm việc ít. B. Làm việc 14 -16 giờ/ngày, lao động vất vả, lương lại thấp hơn. C. Phụ nữ, trẻ em cũng phải làm việc nặng, lương lại thấp hơn.
---	---

Bài 33

HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MỸ GIỮA THẾ KỈ XIX

1. ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT NƯỚC ĐỨC (1871):

2. ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ITALIA (1870):

=> *Phần 1 và 2 tự học có hướng dẫn HS lập bảng so sánh hình thức của các cuộc CM tư sản.*

3. NỘI CHIẾN MỸ (1861 – 1865):

a. Nguyên nhân: Giữa TK XIX, kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng.

- Miền Bắc: phát triển công nghiệp TBCN.
- Miền Nam: Phát triển kinh tế đồn điền dựa vào lao động nô lệ da đen.

=> Tư sản miền Bắc với chủ nô miền Nam mâu thuẫn ngày càng gay gắt dẫn đến nội chiến đẫm máu.

b. Diễn biến:

- 1860: Lin-côn lên làm tổng thống tuyên bố bãi bỏ chế độ nô lệ. Chủ nô miền Nam phản đối. 11 bang miền Nam tách khỏi liên bang, chuẩn bị lực lượng chống lại.
- 4-1861: nội chiến bùng nổ, ưu thế nghiêng về Chính phủ Liên bang.
- 1-1863: Lin-côn bãi bỏ chế độ nô lệ.
- 4-1865: Nhờ sự ủng hộ của lực lượng tiến bộ, nô lệ, dân tự do, quân đội Liên bang chiến thắng, nội chiến kết thúc.

c. Ý nghĩa:

- Xóa bỏ chế độ nô lệ miền Nam, tạo điều kiện CNTB phát triển mạnh mẽ.

d. Tính chất: Là cuộc cách mạng tư sản không triệt để (lần 2).

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Chính quyền Phổ tiến thống nhất nước Đức bằng con đường: A. Từ trên xuống B. Từ dưới lên C. Khởi nghĩa vũ trang D. Hòa bình <u>Câu 2:</u> Việc thống nhất Đức do: A. Giai cấp tư sản thực hiện B. Giai cấp vô sản thực hiện C. Giai cấp quý tộc Phổ thực hiện D. Quần chúng nhân dân thực hiện. <u>Câu 3:</u> Người đảm nhận nhiệm vụ thống nhất Đức bằng chính sách “Sắt và máu”: A. Cavua B. Vinhem II C. Bixmac D. Phổ <u>Câu 4:</u> Ngòi lửa trực tiếp dẫn đến cuộc nội chiến Mĩ là: A. Sự xung đột giữa tư sản và chủ nô B. Cuộc bầu cử tổng thống Mĩ 1860 C. Sự tồn tại của chế độ nô lệ D. Vấn đề ruộng đất chưa được giải quyết <u>Câu 5:</u> Lực lượng tiến bộ quyết định cho thắng lợi trong cuộc nội chiến Mĩ là: A. Tư sản miền Bắc B. Chủ nô miền Nam C. Quần chúng nhân dân	<u>Câu 10:</u> Cuộc nội chiến Mĩ là cuộc cách mạng tư sản thứ hai vì: A. Xóa bỏ chế độ nô lệ ở miền Nam B. Tạo điều kiện CNTB phát triển C. Câu a, b đúng D. Do tư sản lãnh đạo <u>Câu 11:</u> Hậu quả của việc thống nhất nước Đức “Từ trên xuống” là: A. Chế độ phong kiến bị xóa bỏ triệt để B. Đất nước luôn có chiến tranh C. Mở đường cho CNTB phát triển D. Nước Đức bị quân phiệt hóa theo kiểu Phổ, trở thành trung tâm gây chiến ở Châu Âu. <u>Câu 12:</u> Trở ngại lớn nhất cho sự phát triển kinh tế TBCN ở Đức giữa TK XIX là: A. Sự bóc lột tàn bạo của phong kiến. B. Tư sản còn yếu nên không thể lãnh đạo cách mạng. C. Đất nước bị chia cắt thành nhiều vương quốc. D. Giai cấp thống trị không đầu tư phát triển sản xuất. <u>Câu 13:</u> Vì sao năm 1870 -1871, Phổ tiến hành chiến tranh với Pháp? A. Vì muốn sáp nhập Pháp vào lãnh thổ. B. Vì muốn Pháp suy yếu về kinh tế. C. Vì Pháp cản trở quá trình thống nhất.
---	---

D. Nô lệ da đen <u>Câu 6:</u> Cuộc nội chiến ở Mỹ có tính chất: A. Cuộc cách mạng tư sản lần II B. Cuộc đấu tranh của các lực lượng tiến bộ chống lại tư sản C. Cuộc đấu tranh của nô lệ chống chủ nô D. Cuộc chiến tranh trong nước <u>Câu 7:</u> Ý đồ của chủ nô miền Nam khi gây ra nội chiến Mỹ năm 1861: A. Để giành lấy uy thế B. Để duy trì chế độ nô lệ C. Để xóa bỏ chế độ nô lệ D. Để bành trướng thế lực <u>Câu 8:</u> Từ 1861 -1865, nước Mỹ xảy ra: A. Cuộc cải cách nông nô B. Cuộc chiến tranh li khai C. Cuộc nội chiến đẫm máu D. Câu b, c đúng. <u>Câu 9:</u> Bixmac có thể thống nhất Đức bằng chính sách “Sắt và máu” vì: A. Sợ giai cấp vô sản thực hiện bằng con đường cách mạng. B. Tư sản khiếp sợ phong trào vô sản C. Được giai cấp tư sản ủng hộ D. Tính chất quân phiệt Phổ.	D. Vì Pháp có những hành động khiêu khích, xâm lấn đất đai của Phổ. <u>Câu 14:</u> Nguyên nhân sâu xa dẫn đến nội chiến ở Mỹ bùng nổ là: A. Nền kinh tế giữa các vùng miền phát triển không đồng đều. B. Nô lệ chưa được giải phóng nên quyết tâm đứng lên đấu tranh. C. Mâu thuẫn giữa tư sản và chủ trại miền Bắc với chủ nô miền Nam. D. Công nhân và nô lệ bị bóc lột nặng nề <u>Câu 15:</u> Sau nội chiến, chế độ nô lệ bị xóa bỏ nhưng ở Mỹ vẫn còn tồn tại: A. Tình trạng phân biệt chủng tộc. B. Tình trạng phân biệt đẳng cấp C. Xung đột giữa tư sản và chủ nô. D. Mâu thuẫn giai cấp sâu sắc. <u>Câu 16:</u> Cuộc nội chiến Mỹ có ý nghĩa như thế nào? A. Là cuộc CM tư sản không triệt để. B. Xóa bỏ chế độ nô lệ miền Nam. C. Tạo điều kiện CNTB phát triển. D. Câu b, c đúng.
---	---

Bài 34

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

1. THÀNH TỰU KHOA HỌC - KỸ THUẬT CUỐI TK XIX - ĐẦU XX:

a. Thành tựu:

Lĩnh vực	Người phát minh	Thành tựu	Ý nghĩa - Tác dụng
Vật lí	Ximôn Ôm (Đức) Pharadây và Giun (Anh)	Điện	Mở ra khả năng ứng dụng 1 nguồn năng lượng mới.
	Pie Quyri	Phóng xạ	Đặt nền tảng cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân.
	Rodopho (Anh)	Nguyên tử	Là chìa khóa thần kì để tìm hiểu về nguyên tử
	Ronghen (Đức)	Tia X	Giúp y học chuẩn đoán chính xác bệnh tật.

Hóa học	Mendêlêep (Nga)	Định luật tuần hoàn	Là cơ sở cho sự phân hạng các nguyên tố hóa học.
Sinh học	Đác-uyn (Anh)	Thuyết tiến hóa	Đề cập đến nguồn gốc chung của sinh giới.
	Pa-xơ (Pháp)	Vắc xin	Chống bệnh chó dại.
	Pap-lốp (Nga)	Y học	Nghiên cứu về hoạt động hệ thần kinh cấp cao của động vật và con người.
Kĩ thuật		Luyện kim (cải tiến)	Thúc đẩy nhanh quá trình sản xuất thép.
		Tuốc bin phát điện	Được sử dụng để cung cấp nguồn điện năng mạnh mẽ.
		Dầu hỏa	Được khai thác để cung cấp nguồn nhiên liệu mới cho giao thông vận tải.
		Công nghiệp hóa học	Phục vụ ngành nhuộm, phân bón, thuốc nổ.
		Máy điện tín	Giúp cho liên lạc ngày càng xa và nhanh.
		Động cơ đốt trong	Giúp xe ô tô được đưa vào sử dụng.
		Ngành hàng không	1903: ra đời.
		Nông nghiệp	Có bước tiến đáng kể nhờ sử dụng nhiều máy móc.

b. Ý nghĩa:

- Làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế TBCN.
- Đánh dấu bước tiến mới của CNTB khi chuyển sang giai đoạn ĐQCN.

2. SỰ HÌNH THÀNH CÁC TỔ CHỨC ĐỘC QUYỀN: (Khuyến khích HS tự đọc)

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> CNTB tự do chuyển sang CNTB độc quyền khi nào? A. Khoảng 50 năm cuối thế kỉ XIX. B. Khoảng 40 năm cuối thế kỉ XIX. C. Khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX. D. Khoảng 20 năm cuối thế kỉ XIX <u>Câu 2:</u> Giữa TK XIX phát minh quan trọng nhất trong lĩnh vực liên lạc là gì? A. Điện thoại cố định. B. Điện thoại di động. C. Máy điện tín. D. Máy Fax. <u>Câu 3:</u> Năm 1903, phát minh nào ra đời đánh dấu bước tiến vượt bậc trong lĩnh vực giao thông vận tải? A. Xuất hiện ô tô đầu tiên. B. Xuất hiện máy bay đầu tiên. C. Xuất hiện tàu thủy đầu tiên. D. Xuất hiện tàu hỏa đầu tiên. <u>Câu 4:</u> Ai là người phát minh ra định luật tuần hoàn ? A. Đác-uyn. B. Men-đê-lê-ep. C. Pa-xơ. D. Len-xơ <u>Câu 5:</u> Phát hiện về phóng xạ của Hăngri Béccơren (Pháp) thuộc lĩnh vực: A. Toán học. B. Vật lí. C. Hóa học. D. Sinh học. <u>Câu 6:</u> Ai là người đặt nền tảng cho việc tìm kiếm năng lượng hạt nhân ? A. Ma-ri Quy-ri. B. Hăng-ri Béc-cơ-ren. C. Rơn-ghen. D. Rơ-dơ-pho. <u>Câu 7:</u> Học thuyết Đác-uyn (Anh) đề cập đến vấn đề gì? A. Hoạt động các tế bào. B. Hoạt động hệ thần kinh cao cấp. C. Biến dị và di truyền. D. Sự tiến hóa và di truyền.	<u>Câu 11:</u> Những tiến bộ về khoa học kĩ thuật trong nền kinh tế thế giới TBCN những năm cuối TK XIX chủ yếu là: A. Phát minh và sử dụng động cơ đốt trong và động cơ điện. B. Phát minh và sử dụng nhiệt lượng. C. Phát minh và sử dụng máy hơi nước. D. Phát minh và sử dụng động cơ học. <u>Câu 12:</u> Biểu hiện cơ bản nhất về sự xuất hiện của chủ nghĩa đế quốc là: A. Xuất hiện tầng lớp tư bản tài chính. B. Sự ra đời các tổ chức độc quyền. C. Chiến tranh đế quốc nhằm phân chia thuộc địa. D. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc. <u>Câu 13:</u> Ai là người tạo ra bước tiến vĩ đại trong việc tìm hiểu cấu trúc vật chất và thế giới bên trong của nguyên tử? A. Béc-cơ-ren. B. Pi-e-quy-ri. C. Rơ-dơ-pho. D. Ma-ri-quy-ri. <u>Câu 14:</u> Việc phát minh ra máy điện tín giữa thế kỉ XIX có tác dụng gì? A. Phục vụ cho một số ngành công nghiệp. B. Giúp cho liên lạc ngày càng xa và nhanh. C. Giúp cho nhà máy phát điện hoạt động. D. Giúp cho sản lượng một số ngành tăng lên. <u>Câu 15:</u> Ai là người chế tạo thành công vắc xin phòng bệnh chó dại? A. Páp-lốp. B. Pa-xơ. C. Len-xơ. D. Rơn-ghen. <u>Câu 16:</u> Những tiến bộ về khoa học kĩ thuật cuối XIX đầu XX có tác dụng gì? A. Giúp nông nghiệp được cải tiến. B. Làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế TBCN, đánh dấu bước tiến mới của CNTB. C. Tăng sản lượng ngành công nghiệp. D. Máy móc sử dụng ngày càng nhiều.
---	---

<u>Câu 8:</u> Năm 1879, ai là người thí nghiệm thành công việc thấp sáng cho bóng đèn điện ra đời? A. Đi-ê-den B. Ê-đi-xơn. C. Nô-ben. D. Tôm-xơn. <u>Câu 9:</u> Phát minh nổi tiếng của Nôben năm 1867 là: A. Bóng đèn điện. B. Động cơ đốt trong. C. Thông tin vô tuyến điện. D. Thuốc nổ. <u>Câu 10:</u> CNTB đã thực sự trở thành hệ thống thế giới sau khi: A. Hoàn thành các cuộc CM tư sản ở nhiều nước Châu Âu và Châu Mỹ. B. Phát huy ảnh hưởng ở Châu Âu. C. Các cuộc CM tư sản đầu tiên nổ ra ở Châu Âu. D. Các cuộc CM tư sản tiếp tục diễn ra ở Châu Âu.	<u>Câu 17:</u> Năm 1895 đánh dấu sự ra đời của phát minh quan trọng nào? A. Luật tuần hoàn. B. Tia X C. Nguồn năng lượng hạt nhân. D. Thuyết electron. <u>Câu 18:</u> Học thuyết nào cho thấy nguyên tử không phải là phần tử nhỏ nhất của vật chất? A. Thuyết electron. B. Thuyết tiến hóa. C. Thuyết năng lượng hạt nhân. D. Thuyết về hiện tượng phóng xạ. <u>Câu 19:</u> Tiến bộ kỹ thuật có ý nghĩa nhất là: A. Máy phát điện. B. Lò Bét-xme C. Lò Mác-tanh D. Công nghiệp hóa học ra đời.
---	---

Bài 35
CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC ANH – PHÁP - ĐỨC - MỸ VÀ SỰ
BÀNH TRƯỞNG THUỘC ĐỊA
(Khuyến khích HS tự đọc)

Chương III
PHONG TRÀO CÔNG NHÂN TỪ ĐẦU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

Bài 36
SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

- 1. SỰ RA ĐỜI VÀ TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN CÔNG NGHIỆP. CUỘC ĐẤU TRANH ĐẦU TIÊN:** *(Khuyến khích HS tự đọc)*
- 2. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN NỬA ĐẦU TK XIX:**
 - a. Pháp:**
 - 1831 công nhân dệt Li-ông khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm.
 - 1834 thợ tơ ở Li- ông khởi nghĩa đòi thiết lập nền cộng hòa.

b. Anh: 1836–1848 diễn ra phong trào Hiến chương, đòi tăng lương, quyền bầu cử.

c. Đức: 1844 công nhân dệt ở Sơ-lê-din khởi nghĩa phá hủy nhà xưởng.

d. Nhận xét:

- Các cuộc đấu tranh đều bị thất bại, do thiếu sự lãnh đạo và đường lối đúng đắn.
- Đánh dấu sự trưởng thành của công nhân.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯƠNG:

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Đầu TK XIX: CNTB phát triển với những mặt trái của nó (bóc lột tàn nhẫn người lao động, tệ nạn xã hội...)
- Những người tư sản tiên bộ thông cảm với nỗi khổ của người lao động, mong muốn xây dựng một chế độ tốt đẹp không có bóc lột.

b. Đại biểu xuất sắc:

- Ở Pháp: Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê.
- Ở Anh: Ô-oen.

c. Nhận xét:

- * Tích cực:
 - Phê phán sâu sắc xã hội tư bản.
 - Có ý thức bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân.
 - Dự đoán về 1 xã hội tương lai tốt đẹp.
- * Hạn chế: Không thấy được khả năng xây dựng xã hội mới của giai cấp công nhân.

d. Ý nghĩa:

- Là tư tưởng tiên bộ trong xã hội lúc đó. Cổ vũ những người lao động đấu tranh.
- Là tiền đề ra đời học thuyết Mác sau này.

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Chủ nghĩa xã hội không tưởng ra đời trong hoàn cảnh: A. CNTB mới ra đời thể hiện nhiều quan điểm tiến bộ. B. CNTB phát triển, ngoài mặt tốt cũng bộc lộ những mặt xấu xa của nó C. CNTB khủng hoảng sâu sắc. D. Xã hội mâu thuẫn sâu sắc. Câu 2: Phong trào phá máy của giai cấp vô sản Anh có tác dụng: A. Chỉ ra phương hướng đấu tranh cho công nhân. B. Đưa vô sản bước lên vũ đài chính trị. C. Mở đường cho phong trào đấu tranh của công nhân quốc tế. D. Đánh dấu sự trưởng thành của công nhân quốc tế.	Câu 9: Nhận xét nào đúng về ý nghĩa của phong trào công nhân Châu Âu nửa đầu TK XIX? A. Đánh dấu một bước trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế. B. Giai cấp công nhân đã trưởng thành. C. Làm các chủ xưởng phải tăng lương theo yêu cầu của công nhân. D. Chủ nghĩa tư bản thụt lùi một bước. Câu 10: Giai cấp vô sản ra đời là do hệ quả của: A. Các cuộc phát kiến địa lí B. Sự phát triển của thành thị C. Cách mạng tư sản D. Cách mạng công nghiệp. Câu 11: Từ 1830 -1848 một phong trào công nhân rộng lớn có tổ chức diễn ra ở
---	---

<u>Câu 3:</u> Hạn chế lớn nhất của CNXH không tưởng là: A. Không vạch ra con đường giải phóng cho nhân dân lao động. B. Chưa đánh giá đúng vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. C. Chưa nhận thức đúng bản chất bóc lột của CNTB. D. Chưa đấu tranh bảo vệ quyền lợi cho vô sản mà chỉ đòi quyền lợi cho tư sản. <u>Câu 4:</u> Những năm 20 - 30 TK XIX, công nhân Anh đấu tranh đòi quyền lợi gì? A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm. B. Đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương. C. Đòi quyền phổ thông đầu phiếu. D. Đòi chính phủ Anh thông qua đạo luật cải cách tuyển cử. <u>Câu 5:</u> Trong các cuộc đấu tranh dưới đây của giai cấp công nhân, cuộc đấu tranh nào tồn tại lâu nhất? A. Khởi nghĩa Li-ông (Pháp). B. Phong trào Hiến chương (Anh). C. Khởi nghĩa Sơ-lê-din. D. Khởi nghĩa Li-ông (Pháp) và phong trào Hiến chương (Anh). <u>Câu 6:</u> Năm 1831, công nhân dệt thành phố Liông (Pháp) đấu tranh đòi quyền lợi: A. Thiết lập nền cộng hòa. B. Nghỉ ngày chủ nhật có lương. C. Được tự do bầu cử. D. Tăng lương, giảm giờ làm. <u>Câu 7:</u> Nguyên nhân nào là cơ bản nhất làm cho các cuộc đấu tranh của công nhân Anh, Pháp, Đức bị thất bại? A. Lực lượng công nhân còn ít. B. Giai cấp tư sản còn đang rất mạnh. C. Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng. D. Chưa có sự liên minh với giai cấp nông dân.. <u>Câu 8:</u> Ba nhà tư tưởng tiến bộ nhất của chủ nghĩa xã hội không tưởng là: A. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Crom-oen. B. Phu-ri-ê, ô-oen và Mông-te-xki-ơ.	Anh là: A. Phong trào Hiến chương B. Phong trào phá máy C. Phong trào đốt xương D. Câu a, b, c đúng <u>Câu 12:</u> Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản thế giới là: A. Đập phá máy móc, đốt xương B. Bãi công C. Biểu tình D. Khởi nghĩa vũ trang <u>Câu 13:</u> “Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu” là khẩu hiệu của: A. Công nhân Anh B. Công nhân Pháp C. Công nhân Đức D. Công nhân Mỹ <u>Câu 14:</u> Phong trào Hiến chương ở Anh tuy thất bại nhưng được đánh giá là phong trào: A. Có mục tiêu chính trị rõ nét B. Chưa có đường lối chính trị rõ rệt nhưng có tính chất quần chúng rộng lớn. C. Có mục tiêu chính trị rõ nét và có tính quần chúng rộng lớn. D. Có tổ chức, có tính quần chúng. <u>Câu 15:</u> Phong trào Hiến chương ở Anh với hình thức đấu tranh chủ yếu là: A. Bạo động khởi nghĩa B. Mitinh lấy chữ kí và biểu tình C. Đập phá máy móc D. Khởi nghĩa vũ trang. <u>Câu 16:</u> Điều phi khoa học của CNXH không tưởng là: A. Tô cáo nhưng không nhận thức được bản chất của chế độ tư bản. B. Có ý thức bảo vệ nhưng không nhìn thấy sứ mệnh lịch sử của vô sản. C. Phủ nhận đấu tranh giai cấp. D. Câu b, c đúng. <u>Câu 17:</u> Đối với sự ra đời của chủ nghĩa Mác, CNXH không tưởng có tác dụng: A. Cổ vũ B. Làm tiền đề C. Thúc đẩy
---	---

C. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ru-xô. D. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen.	D. Làm cơ sở.
--	---------------

Bài 37
MÁC – ĂNGHEN VÀ SỰ RA ĐỜI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. BUỔI ĐẦU HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA CÁC MÁC VÀ ĂNGHEN:

1. Các Mác: (1818 -1883)

- Sinh ngày 5.5.1818 tại Tơ-ri-ơ (Đức) trong một gia đình luật sư có tư tưởng tiến bộ.
- 1841 đỗ Tiến sĩ triết học (23 tuổi).
- 1842 Làm Tổng biên tập Báo sông Ranh.
- 1843 sang Pari tham gia phong trào công nhân Pháp, ông thấy được sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản.

b. Phridrich Angghen: (1820 -1895)

- Sinh ngày 28.11.1820 tại Béc-men (Đức) trong một gia đình chủ xưởng, học vấn rất uyên thâm.
- 1842 ông sang Anh tìm hiểu và viết tác phẩm Tình cảnh giai cấp công nhân. Ông nhận thấy giai cấp vô sản là lực lượng có thể đánh đổ giai cấp tư sản.
- 1844 ông sang Pari gặp Mác, tình bạn giữa hai người ngày càng bền chặt.
- 1844–1847: sự kết hợp giữa Mác và Ăngghen đã cho ra đời những tác phẩm, là cơ sở từng bước hình thành học thuyết Mác.

2. TỔ CHỨC ĐỒNG MINH NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VÀ TUYÊN NGÔN ĐẢNG CỘNG SẢN:

a. Sự ra đời:

- 1836: Đồng minh những người chính nghĩa được thành lập ở Paris (Pháp).
- 6-1847: theo đề nghị của Ăngghen, đổi thành Đồng minh những người cộng sản.
- 2-1848: Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời do Mác và Ăngghen soạn thảo.

b. Nội dung Tuyên ngôn Đảng cộng sản:

- Gồm lời mở đầu và 4 chương.
- Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của công nhân sẽ lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tư sản.
- Tuyên ngôn chỉ ra con đường thực hiện thành công cuộc cách mạng vô sản.
- Tuyên ngôn kêu gọi “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”.

c. Ý nghĩa:

- Là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Từ nay giai cấp công nhân đã có lý luận cách mạng soi đường.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Tác phẩm nào đánh dấu sự chín muồi tư tưởng XHCN của Mác và Enghen? A. Bộ tư bản B. Tuyên ngôn Đảng Cộng sản C. Tình cảnh giai cấp công nhân D. Tác phẩm Gia đình và thần thánh. <u>Câu 2:</u> Văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của CNXH khoa học là: A. Đồng minh những người cộng sản. B. Tuyên ngôn độc lập. C. Tuyên ngôn Đảng cộng sản. D. Hội liên hiệp quốc tế của những người lao động. <u>Câu 3:</u> Sự kiện nào ở TK XIX đã làm tiền đề cho sự ra đời CNXH khoa học? A. Sự phát triển phong trào công nhân. B. Sự ra đời và hoạt động của CNXH không tưởng. C. Sự thành lập Quốc tế thứ I D. Sự xuất hiện của Mác và Enghen. <u>Câu 4:</u> Tổ chức “Đồng minh những người chính nghĩa” thành lập ở đâu? Vào thời gian nào? A. Ở Pari (Pháp), năm 1836. B. Ở Luân Đôn (Anh), năm 1847. C. Ở Pari (Pháp), năm 1847. D. Ở Brussels (Bỉ), năm 1836. <u>Câu 5:</u> Tổ chức Đồng minh những người cộng sản ra đời nhằm mục đích gì? A. Đoàn kết vô sản tất cả các nước. B. Đoàn kết vô sản và những người cộng sản các nước. C. Đoàn kết vô sản và nhân dân các nước thuộc địa. D. Đoàn kết những người cộng sản tất cả các nước. <u>Câu 6:</u> Tuyên ngôn của Đảng cộng sản xác định vai trò của giai cấp vô sản là: A. Cùng với nông dân lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tư sản. B. Lãnh đạo cuộc đấu tranh lật đổ tư sản và xây dựng chuyên chính vô sản C. Lãnh đạo cuộc đấu tranh xóa bỏ áp bức, bóc lột.	<u>Câu 9:</u> Ý nào sau đây không phải là nội dung của Tuyên ngôn Đảng cộng sản? A. Tuyên ngôn nói về tư sản và vô sản B. Tuyên ngôn nói về cộng sản và vô sản C. Tuyên ngôn nói về việc chống tư tưởng phi Mácxít. D. Nói về quan hệ giữa vô sản với vô sản <u>Câu 10:</u> Giai cấp vô sản sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột là nhận xét của: A. Enghen B. Các Mác C. Câu a, b đúng D. Xanhximông <u>Câu 11:</u> Bản Tuyên ngôn Đảng cộng sản có giá trị như thế nào? A. Chỉ ra những điều mà từ trước đến nay công nhân chưa giác ngộ. B. Mang tính khoa học rất cao C. Là một kiệt tác bất hủ, để lại nhiều bài học quý giá. D. Câu a, b, c đúng. <u>Câu 12:</u> Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là: A. Tự giải phóng mình khỏi mọi xiềng xích của phong kiến và tư bản. B. Giải phóng loài người khỏi áp bức. C. Câu a, b đúng D. Lật đổ chế độ bóc lột. <u>Câu 13:</u> Điểm khác nhau giữa CNXH không tưởng và CNXH khoa học là: A. Nhận thức về bản chất chế độ tư bản B. Nhận thức vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. C. Đề ra những biện pháp xây dựng xã hội mới. D. Không thấy được vai trò của vô sản. <u>Câu 14:</u> Kết luận giống nhau của Mác và Enghen về sứ mệnh giai cấp công nhân khi hai ông: A. Cùng hoạt động ở Đức B. Cùng nghiên cứu triết học, kinh tế học. C. Hoạt động cách mạng và tìm hiểu đời sống công nhân ở hai nơi khác nhau.
---	--

D. Lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. <u>Câu 7:</u> Phương pháp cách mạng của giai cấp vô sản là: A. Biểu tình B. Bãi công C. Mitinh D. Bạo lực. <u>Câu 8:</u> Tình bạn giữa Mác và Engelen dựa trên cơ sở: A. Cùng tương đồng về tuổi. B. Chung chí hướng cách mạng, cùng nghiên cứu, cùng hoạt động trong phong trào công nhân. C. Cùng quan tâm đến chính đảng của giai cấp công nhân. D. Từng học chung ở trường Đại học	D. Cùng hoạt động ở một trường Đại học. <u>Câu 16:</u> Điểm hạn chế của các nhà CNXH không tưởng? A. Vạch rõ xấu xa, bất công của tư bản. B. Bảo vệ quyền lợi giai cấp công nhân C. Không thể vạch ra con đường giải phóng người lao động. D. Dự đoán thiên tài về xã hội tương lai. <u>Câu 17:</u> Tuyên ngôn Đảng cộng sản ra đời thời gian nào? A. Tháng 2/1848 B. Tháng 3/1848. C. Tháng 4/1848 D. Tháng 1/1848.
--	---

Bài 38 **QUỐC TẾ THỨ NHẤT VÀ CÔNG XÃ PARI 1871**

I. QUỐC TẾ THỨ NHẤT: *(Chỉ giới thiệu nét chính về Quốc tế thứ I)*

1. Hoàn cảnh ra đời:

- Giữa TK XIX: số lượng công nhân tăng nhanh và bị bóc lột nặng nề.
- Nhiều cuộc đấu tranh nổ ra nhưng thiếu thống nhất về tổ chức.
- 28.9.1864: Tại Luân Đôn (Anh) Hội Liên hiệp lao động quốc tế (thường được gọi Quốc tế thứ nhất) được thành lập, lãnh đạo là Các Mác.

2. Hoạt động (1864 – 1870): chủ yếu thông qua các kỳ đại hội nhằm:

- Truyền bá rộng rãi học thuyết Mác.
- Thông qua các nghị quyết: thành lập công đoàn, đấu tranh có tổ chức, đòi ngày làm 8 giờ...
- Do ảnh hưởng của Quốc tế thứ nhất phong trào công nhân phát triển mạnh.

3. Vai trò:

- Truyền bá học thuyết Mác trong phong trào công nhân quốc tế.
- Đoàn kết, thống nhất lực lượng vô sản quốc tế.

II. CÔNG XÃ PARI 1871:

1. Cách mạng 18.3.1871 và sự thành lập Công xã:

a. Nguyên nhân:

- Giai cấp vô sản mâu thuẫn gay gắt với tư sản.
- Pháp thất bại trong chiến tranh Pháp- Phổ (1870) làm cho nhân dân căm phẫn đòi lật đổ Đế chế II.

- Sự phản bội của “Chính phủ vệ quốc” đối với cách mạng.

b. Diễn biến:

- 4-9-1870: nhân dân Pari khởi nghĩa lật đổ Đế chế II.
- Khi quân Phổ tiến vào nước Pháp, nhân dân Pari thành lập Quốc dân quân quyết tâm bảo vệ thủ đô Pari.
- 18.3.1871: quân chúng tấn công bao vây quân chính phủ, làm chủ thành phố. Quân chính phủ bỏ chạy về Vec-xai.

c. Kết quả:

- Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền của giai cấp tư sản bị lật đổ.
- Chính phủ cách mạng được thành lập: Công xã Pari.

2. Công xã Pari - Nhà nước kiểu mới:

* 26-3-1871: chính phủ cách mạng được bầu theo phổ thông đầu phiếu.

- Cơ quan cao nhất là Hội đồng Công xã.
- Lực lượng vũ trang nhân dân được thành lập.
- Tách nhà thờ ra khỏi những hoạt động của nhà nước.

* Những chính sách tiến bộ:

- Công nhân được làm chủ xí nghiệp.
- Giảm giờ lao động ban đêm, cấm cúp phạt công nhân.
- Chủ trương giáo dục bắt buộc.

=> Như vậy: Công xã Pari là một nhà nước kiểu mới-nhà nước vô sản, do dân, vì dân.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Quốc tế thứ nhất có tên gọi là gì? A. Hội Liên hiệp công nhân quốc tế. B. Hội Liên hiệp nhân nhân lao động. C. Hội Liên hiệp lao động quốc tế. D. Hội Liên hiệp vô sản quốc tế. <u>Câu 2:</u> Người đứng đầu Quốc tế thứ I và được coi là linh hồn của tổ chức này? A. Xta – lin. B. Lê nin C. Mác D. Enghen. <u>Câu 3:</u> Cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 ở Pháp được gọi là: A. Cách mạng dân chủ tư sản. B. Cách mạng tư sản. C. Cách mạng vô sản. D. Câu a, b đúng. <u>Câu 4:</u> Để chuẩn bị lực lượng chống Phổ xâm lược, quân chúng nhân dân Pari đã thành lập các đơn vị:	<u>Câu 12:</u> Sắc lệnh nào của Công xã thể hiện tính ưu việt? A. Tách nhà thờ ra khỏi trường học. B. Giao cho công nhân quản lý các xí nghiệp của bọn chủ bỏ trốn. C. Quy định về tiền lương tối thiểu, cấm cúp phạt, cấm đánh đập công nhân. D. Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, miễn học phí. <u>Câu 13:</u> Sai lầm của Ủy ban trung ương sau khi giành được chính quyền từ tay tư sản là: A. Không chăm lo cải thiện đời sống nhân dân. B. Không chú trọng đầu tư phát triển kinh tế, khoa học- kỹ thuật. C. Không chú trọng xây dựng quân đội mạnh. D. Chỉ tập trung vào việc bầu cử, không kiên quyết trấn áp kẻ thù.
---	---

A. Vệ quốc quân.

B. Quốc dân quân.

C. Quân đội nhân dân.

D. Đội tự vệ đỏ.

Câu 5: Khi quân Phổ chuẩn bị tấn công vào nước Pháp, giai cấp tư sản thành lập chính phủ lâm thời với tên gọi là gì?

A. Chính phủ Vệ quốc.

B. Chính phủ yêu nước.

C. Chính phủ lập quốc.

D. Chính phủ cứu quốc.

Câu 6: Khi quân Phổ tiến sâu vào nước Pháp và bao vây Pari, chính phủ tư sản lâm thời đã:

A. Đầu hàng và xin đình chiến

B. Kiến quyết chống Phổ đến cùng.

C. Kêu gọi nhân dân cứu nguy Tổ quốc.

D. Giải tán lực lượng vũ trang.

Câu 7: Khi quân chủng nhân dân Pari nổi dậy 18/3/1871, chính phủ tư sản Chi-e rút chạy về đâu?

A. Môngmác.

B. Xơđăng.

C. Vécđoong.

D. Vecxai.

Câu 8: Ngày 26/3/1871 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở nước Pháp?

A. Quân khởi nghĩa đã đánh chiếm các trụ sở của chính phủ tư sản lâm thời.

B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc tòa thị chính.

C. Bầu cử Hội đồng Công xã.

D. Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt trước quốc dân đồng bào.

Câu 9: Cơ quan cao nhất của nhà nước kiểu mới trong Công xã Pari là gì?

A. Hội đồng Công xã.

B. Hội đồng nhân dân.

C. Quốc hội lập pháp.

D. Ủy ban trung ương Quốc dân quân.

Câu 10: Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho Công xã Pari thất bại là:

A. Giai cấp vô sản còn non yếu.

B. Giai cấp vô sản chưa có chính đảng lãnh

Câu 14: Từ Công xã Pari 1871, một bài hát truyền thống của giai cấp vô sản ra đời. Đó là bài hát nào?

A. Mác-xây-e.

B. Tiến quân ca.

C. Quốc tế ca.

D. Ca-chiu-sa.

Câu 15: Vì sao nói Công xã Pari là nhà nước kiểu mới?

A. Công xã do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

B. Công xã đã ban bố và thi hành nhiều sắc lệnh phục vụ quyền lợi nhân dân.

C. Công xã giải phóng quân đội và bộ máy cảnh sát của chế độ cũ.

D. Câu a, b đúng.

Câu 16: Vì sao giai cấp tư sản điên cuồng chống lại Công xã?

A. Vì tách nhà thờ ra khỏi nhà nước.

B. Xóa hết mọi đặc quyền của tư sản.

C. Công xã thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, đối lập nhà nước tư bản.

D. Công xã ban bố các sắc lệnh phục vụ quyền tự do của nhân dân.

Câu 17: Quốc tế thứ nhất thành lập thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 28/9/1864 ở Luân Đôn

B. Ngày 29/8/1864 ở Luân Đôn

C. Ngày 28/9/1869 ở Pari

D. Ngày 29/8/1876 ở Pari

Câu 18: Đối với chế độ nô lệ và chiến tranh xâm lược thuộc địa, Quốc tế thứ I:

A. Không lên án, ủng hộ

B. Ủng hộ

C. Lên án và đòi thủ tiêu.

D. Các nước tự giải quyết.

Câu 19: Tinh thần đoàn kết của công nhân thế giới thể hiện qua khẩu hiệu:

A. Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu.

B. Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại.

C. Tất cả nhân dân thế giới đoàn kết lại

D. Vô sản thế giới cùng đoàn kết chiến đấu.

đạo. C. Chưa thực hiện liên minh công nông. D. Các thế lực phản động cấu kết với nhau để tiêu diệt cách mạng. <u>Câu 11:</u> Bài học lớn nhất được rút ra từ sự thất bại của Công xã Pari là gì? A. Phải thành lập chính đảng lãnh đạo B. Phải thực hiện liên minh công nông. C. Phải kiên quyết trấn áp kẻ thù. D. Thực hiện triệt để chuyên chính vô sản.	<u>Câu 20:</u> Trong thời kì Công xã Pari, cách mạng đã thực hiện được: A. Giao xí nghiệp cho công nhân quản lí. B. Liên minh công nhân - nông dân. C. Trấn áp quân Vecxai ngay từ đầu D. Lật đổ được giai cấp tư sản.
---	---

Bài 39 **QUỐC TẾ THỨ HAI**

1. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI THẾ KỈ XIX:

a. Nguyên nhân:

- Giai cấp công nhân các nước tăng nhanh về số lượng và chất lượng.
- Do sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản, làm cho đời sống nhân dân cực khổ.

b. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu:

- Đức: phong trào đấu tranh đòi cải thiện đời sống, buộc tư sản phải bãi bỏ “Đạo luật đặc biệt”
- Pháp: công nhân vùng mỏ đấu tranh đòi tăng lương và quyền dân chủ.
- Anh: hàng vạn công nhân khuân vác ở Luân Đôn bãi công đòi ngày làm 8 giờ.
- Mỹ: công nhân dệt ở Si-ca-go tổng bãi công ngày 1-5-1886, đòi ngày làm việc 8 giờ và đã giành thắng lợi.

c. Nhận xét:

- Phong trào công nhân phát triển, giai cấp công nhân trưởng thành.
- Chính đảng công nhân ra đời ở nhiều nước, yêu cầu thành lập một tổ chức Quốc tế mới của giai cấp vô sản thế giới.

2. QUỐC TẾ THỨ HAI: (Khuyến khích HS tự đọc)

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Nghị quyết của Quốc tế II đến nay vẫn thực hiện là: A. Đề cao đấu tranh chính trị B. Tăng cường phong trào quần chúng C. Đòi tăng lương D. Lấy ngày 1/5 làm ngày Quốc tế lao động. <u>Câu 2:</u> Từ thập niên 20 của TK XIX, CNTB	<u>Câu 8:</u> Kết quả của việc truyền bá học thuyết Mác là: A. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra. B. Sự ra đời của các đảng công nhân C. Qui mô các cuộc đấu tranh lớn D. Công nhân đấu tranh dưới hình thức bãi công.
---	--

phát triển mạnh mẽ ở đâu? A. Tây Âu và Châu Á. B. Tất cả các nước Châu Âu. C. Tây Âu và Bắc Mỹ. D. Châu Âu và Châu Mỹ. <u>Câu 3:</u> Năm 1886, công nhân Mỹ đấu tranh đòi quyền lợi gì? A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm. B. Đòi ngày làm 8 giờ. C. Đòi tự do dân chủ. D. Đòi tăng lương, cải thiện đời sống. <u>Câu 4:</u> Ngày 1/5/1886 diễn ra cuộc bãi công của 40 vạn công nhân ở: A. Sicagô (Mĩ). B. New York (Mĩ). C. Oasinhton (Mĩ). D. California (Mĩ). <u>Câu 5:</u> Quốc tế II quyết định lấy ngày 1/5 hàng năm làm ngày Quốc tế lao động nhằm: A. Để cho công nhân được làm việc, nghỉ ngơi đúng luật lao động quốc tế. B. Để cho công nhân được làm việc 8 giờ. C. Để cho công nhân được hưởng mọi quyền lợi. D. Để đoàn kết và biểu dương lực lượng giai cấp vô sản thế giới. <u>Câu 6:</u> Vì sao cần phải thành lập một tổ chức quốc tế mới nối tiếp nhiệm vụ của Quốc tế I? A. Phong trào công nhân phát triển mạnh B. Các tổ chức chính trị của công nhân ở các nước được thành lập. C. CN Mác - Lê nin truyền bá sâu rộng trong phong trào công nhân các nước. D. CNTB đã thành lập một tổ chức Quốc tế để chống lại phong trào công nhân. <u>Câu 7:</u> Quốc tế II tồn tại và hoạt động gắn liền với tên tuổi của: A. Các Mac. B. Enghen C. Lê nin. D. Mác và Enghen	<u>Câu 9:</u> Quốc tế II được thành lập thời gian nào, ở đâu? A. Ngày 4/7/1980, ở Pari B. Ngày 14/7/1889, ở Pari C. Ngày 14/7/1789, ở Luân Đôn D. Ngày 4/7/1889, ở Pari <u>Câu 10:</u> Ngày thành lập Quốc tế II cách ngày mở đầu cách mạng Pháp: A. 100 năm B. 200 năm C. 50 năm D. 80 năm. <u>Câu 11:</u> “Đạo luật đặc biệt” phải bãi bỏ là kết quả đấu tranh của công nhân nước A. Anh B. Pháp C. Đức D. Mĩ <u>Câu 12:</u> Những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự phá sản của Quốc tế II là: A. Thiếu sự nhất trí về đường lối chiến lược. B. Bị chia rẽ về tổ chức. C. Bị các phần tử cơ hội chống đối. D. Câu a, b, c đúng. <u>Câu 13:</u> Quốc tế II tồn tại trong khoảng thời gian nào? A. 1889 - 1914 B. 1789 - 1914 C. 1889 - 1945 D. 1789 - 1945 <u>Câu 14:</u> Engnen qua đời thời gian nào? A. Năm 1985 B. Năm 1895 C. Năm 1914 D. Năm 1945 <u>Câu 15:</u> Vì sao Engnen qua đời là một tổn thất lớn của Quốc tế II? A. Vì ông là người sáng lập tổ chức. B. Vì ông đóng vai trò tích cực trong hoạt động của Quốc tế II. C. Vì ông giúp đỡ vô sản ở nhiều nước D. Vì ông không ngừng chống tư bản.
---	---

Bài 40

LÊ NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGÀ ĐẦU THẾ KỈ XX

I. HOẠT ĐỘNG BƯỚC ĐẦU CỦA LÊNIN TRONG PT CÔNG NHÂN NGÀ:

1. Tiểu sử:

- Sinh 22.4.1870 trong gia đình nhà giáo tiến bộ, ông giác ngộ cách mạng rất sớm.
- 1893 ông đứng đầu một nhóm mácxít ở Xanh Pê-téc-bua.

2. Hoạt động:

- 1895 thống nhất các nhóm mácxít thành Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân.
- 1900 xuất bản báo Tia lửa nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác.
- 1903 Đại hội Đảng Công nhân XH dân chủ Nga họp ở Luân Đôn bàn về cương lĩnh, điều lệ Đảng. Phái Bôn-sê-vich ủng hộ Lê-nin.
- Hoạt động trong PT công nhân Nga, Lê-nin khẳng định vai trò của giai cấp công nhân trong sự nghiệp giải phóng người lao động.

II. CÁCH MẠNG NGÀ 1905 – 1907:

1. Nước Nga trước cách mạng:

a. Kinh tế:

- Công thương nghiệp phát triển, các công ti độc quyền xuất hiện.

b. Chính trị:

- Chế độ Nga hoàng vẫn tồn tại, bóp nghẹt tự do dân chủ.

c. Xã hội:

- Đời sống nhân dân, công nhân khổ cực.
- Vô sản phải chịu 2 ách áp bức của phong kiến và tư sản.
- Nga thất bại trong chiến tranh Nga – Nhật làm cho xã hội mâu thuẫn sâu sắc dẫn đến cách mạng bùng nổ, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng.

2. Cách mạng bùng nổ:

a. Diễn biến:

- Cuối 1904: các cuộc đấu tranh của quần chúng nổ ra, châm ngòi lửa cho cách mạng
- Ngày 9-1-1905: 14 vạn công nhân Xanh Pê-téc-bua kéo đến Cung điện Mùa Đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống, nhưng bị đàn áp dã man. Công nhân dựng chiến lũy chiến đấu, làn sóng cách mạng lan ra cả nước lôi cuốn cả binh lính, nông dân tham gia.
- Mùa thu 1905: phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao với những cuộc bãi công chính trị của quần chúng, làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế và giao thông.
- 12.1905: tại Matxcova nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang diễn ra nhưng thất bại.
- Cuối 1907: phong trào cách mạng chấm dứt.

b. Ý nghĩa:

- Giáng một đòn mạnh mẽ vào chế độ Nga hoàng.
- Làm dấy lên cao trào đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước đế quốc.
- Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Phương Đông phát triển.

c. Tính chất:

- Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới lần thứ nhất ở Nga.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1:</u> Biểu hiện chứng tỏ đầu TK XX Nga đã chuyển sang giai đoạn đế quốc? A. Công thương nghiệp phát triển mạnh. B. Số lượng công nhân đông. C. Chiến tranh đế quốc Nga - Nhật. D. Hình thành các công ti độc quyền. <u>Câu 2:</u> Mùa thu 1895, Lênin thống nhất những nhóm Macxit Pêtéc-bua thành một tổ chức chính trị duy nhất, lấy tên là: A. Liên hiệp đấu tranh giải phóng các dân tộc Nga. B. Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân. C. Liên hiệp cách mạng Nga. D. Liên hiệp đấu tranh giải phóng công nhân. <u>Câu 3:</u> Năm 1900, Lênin cùng các đồng chí của mình xuất bản tờ báo lấy tên là: A. Tia sáng B. Tia lửa. C. Ánh sáng. D. Phá xiềng xích. <u>Câu 4:</u> Tính tiên phong của Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga được thể hiện như thế nào? A. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ Nga hoàng. B. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ phong kiến, tư bản . C. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản. D. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản và Nga hoàng. <u>Câu 5:</u> Tháng 6/1905 diễn ra sự kiện lịch sử gì trong cuộc CM 1905-1907 ở Nga? A. 40 vạn công nhân ở Pêtéc-bua biểu tình B. Binh lính và nông dân Nga nổi dậy chống Nga hoàng.	<u>Câu 10:</u> Sự kiện nào được xem là đỉnh cao của cuộc CM Nga 1905 - 1907? A. Cuộc đấu tranh của 14 vạn công nhân Pêtéc-bua ngày 9/1/1905 (Ngày chủ nhật đẫm máu). B. Cuộc nổi dậy của nông dân phá dinh cơ của địa chủ phong kiến 5/1905. C. Cuộc khởi nghĩa của thủy thủ trên chiến hạm Pôtemkin 6/1905. D. Cuộc khởi nghĩa vũ trang 12.1905 ở Mátxcơva. <u>Câu 11:</u> Vì sao CM Nga 1905 -1907 được gọi là cuộc CM dân chủ tư sản kiểu mới ? A. Vì do giai cấp vô sản lãnh đạo. B. Vì do giai cấp tư sản lãnh đạo. C. Vì nhằm lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền chuyên chính vô sản. D. Vì nhằm lật đổ nền chuyên chính tư sản, thiết lập nền chuyên chính vô sản. <u>Câu 12:</u> Chế độ chính trị ở Nga trước cách mạng là: A. Nền quân chủ lập hiến. B. Nền quân chủ phong kiến chuyên chế. C. Chế độ phong kiến phân quyền. D. Chế độ dân chủ tư sản. <u>Câu 13:</u> Trong Đảng công nhân xã hội dân chủ Nga, phái nào chiếm đa số? A. Mensêvich B. Bôn-sêvich C. Mác-xít D. Cơ hội <u>Câu 14:</u> Có ảnh hưởng lớn đến phong trào công nhân Nga đầu TK XX là: A. Lênin B. Mác C. Enghen D. Xanh-xi-mông <u>Câu 15:</u> Chủ trương của Đảng Bôn-sêvich do
--	--

C. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Matxcova. D. Thủy thủ trên chiến hạm Pôtêmkín khởi nghĩa. <u>Câu 6:</u> Cách mạng 1905-1907 ở Nga có tính chất là: A. Cách mạng dân chủ tư sản B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới C. Cách mạng vô sản D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa <u>Câu 7:</u> Cách mạng 1905-1907 ở Nga có tác động mạnh mẽ nhất đối với phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực nào? A. Các nước Phương Tây. B. Các nước ở khu vực Mỹ latinh C. Các nước Phương Đông. D. Các nước ở khu vực Châu Phi. <u>Câu 8:</u> Nguyên nhân cơ bản dẫn đến phong trào cách mạng trong những năm 1905-1907 ở Nga: A. Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. B. Công nhân thất nghiệp ngày càng tăng C. Tiền lương công nhân giảm sút, điều kiện sống tồi tệ. D. Hậu quả của chiến tranh Nga - Nhật. <u>Câu 9:</u> Tham gia phong trào CM 1905 - 1907 ở Nga là công nhân, nông dân, binh lính. Trong đó đông nhất là: A. Nông dân. B. Công nhân. C. Tư sản. D. Binh lính.	Lênin lãnh đạo là: A. Lật đổ phong kiến B. Lật đổ tư sản C. Lật đổ Nga hoàng D. Lật đổ tư sản, thành lập chính quyền vô sản. <u>Câu 16:</u> Nhiệm vụ của cuộc cách mạng Nga 1905-1907: A. Lật đổ chế độ Nga hoàng B. Lật đổ chế độ tư bản C. Thống nhất đất nước D. Cải cách đất nước. <u>Câu 17:</u> Cách mạng Nga 1905 - 1907 có kết quả như thế nào? A. Thất bại. B. Thắng lợi C. Làm lung lay chế độ Nga hoàng D. Câu a, c đúng. <u>Câu 18:</u> Vai trò của Lênin đối với phong trào công nhân Nga là: A. Sáng lập Đảng công nhân xã hội dân chủ Nga. B. Đề ra đường lối đúng đắn cho giai cấp công nhân Nga. C. Trực tiếp lãnh đạo nhân dân đấu tranh. D. Câu a, b, c đúng. <u>Câu 19:</u> Điểm khác nhau cơ bản của CM Nga 1905 -1907 so với các cuộc CM tư sản trước đó là: A. Nổ ra trong thời đại đế quốc chủ nghĩa B. Lực lượng chủ yếu là công nhân C. Lãnh đạo là giai cấp vô sản D. Nhiều hình thức đấu tranh.
--	--